

MỘT SỐ ĐIỂM QUAN TRỌNG TRONG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA được cho là cao, trước hết vì Phật giảng cho hàng Thanh Văn, là những vị đã đắc Quả A La Hán, để đưa họ lên địa vị Bồ Tát. Thứ nữa là vì lời lẽ của người sống cách đây đã hơn 2.000 năm cũng rất khó hiểu. Hơn nữa, trong đó mượn cảnh ngoài để tả cảnh trong nội tâm nên càng không dễ hiểu. Nhưng trong Kinh ta thấy nhấn mạnh các điểm :

1/- Kinh *“Mở môn phương tiện, bày tướng chân thiệt. Tạng Kinh PHÁP HOA này xa kín nhiệm sâu, không có người đến được, nay Phật vì giáo hóa để thành tựu Bồ Tát mà chỉ bày cho”*.

2/- Kinh PHÁP HOA này là lời nói bực nhứt của Như Lai, ở trong các lời nói thời là rất sâu, rốt sau mới ban cho, như vua sức mạnh kia, lâu giữ gìn viên minh châu mà nay mới cho đó”.

3/- Đắc Đại Thế, phải biết Kinh PHÁP HOA này rất lợi ích cho các Vị Đại Bồ Tát, có thể làm cho đến Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.

4/- Nếu đệ tử ta cho mình là A La Hán cùng Duyên Giác, mà không nghe, không biết việc của các Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ tát, người này chẳng phải là đệ tử Phật, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Duyên Giác”.

Vì vậy người đọc kinh để tìm hiểu xem Kinh “Bày tướng chơn thiệt” là thế nào ?” Lời nói bậc nhất” đó là nói về những điều gì ? Và “Giáo Bồ Tát, làm cho đến Đạo Vô Thượng Chánh Giác” là như thế nào ? Tại sao những “*A La Hán cùng Duyên Giác mà không biết việc của Như Lai chỉ giáo Bồ Tát thì không phải là Đệ Tử Phật, cũng không phải là A La Hán, chẳng phải Duyên Giác*”? Chúng ta sẽ lần lượt đọc kỹ từng Phẩm để tìm hiểu.

Theo những nhà nghiên cứu Phật Giáo thì Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA là một trong những Kinh ĐẠI THỪA được Chư Tổ viết sau Phật nhập diệt khoảng 500 năm. Cho nên những người bên TIỂU THỪA cực lực phản đối, cho đó là Kinh Ngụy Tạo, vì những lời trong Kinh không phải là của Phật thuyết.

Nhưng người có biết lịch sử Truyền Thừa của Đạo Phật thì vẫn thấy không có gì khác biệt giữa lời giảng dạy của Đức Thích Ca và những lời của TỔ ĐẠI THỪA. Bởi vì Các Ngài đã chính thức được Đức Thích Ca TRUYỀN Y BÁT, tức là Phó Chúc Đạo Pháp cho các Ngài qua lần đầu tiên với Tổ Ca Diếp, với lời dặn dò “*việc làm đó nên tiếp tục để Chánh Pháp được trường tồn mãi mãi*”.

Cũng chính vì tất cả mọi người, mọi thời, không phân biệt giới tính, tuổi tác, địa vị, giàu nghèo, học dốt hay giỏi, ngu hay trí, nếu ĐÚNG NHƯ PHÁP TU HÀNH thì cũng sẽ đạt được kết quả Giải Thoát như những người đi trước, nên Đức Thích Ca đã Thọ Ký : “*Ta là Phật đã thành. Tất cả Chúng sanh là Phật sẽ thành*”. Thành Phật chỉ là thành tựu công việc Giải Khổ cho bản thân người tu,

không phải là thành một vị Thần Linh có quyền năng cứu độ cho mọi người. Do đó, trong Đạo Phật không chỉ có Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Phật Di Lặc như trong các Kinh hay đề cập đến, mà có đến TAM THẾ PHẬT. Tức là Phật Quá Khứ, Phật Hiện tại và Phật Vị lai.

Những vị Tổ là những Vị đã Thấy Tánh, đã Chứng Đắc, tức là PHẬT ĐƯƠNG THỜI của thời các Ngài xuất hiện. Vì vậy, Kinh ĐẠI THỪA dù không do chính Đức Thích Ca thuyết, mà do PHẬT THỜI SAU, tức là CHƯ TỔ thuyết giảng, thì những lời dạy bảo cũng như hướng dẫn những gì phải hành trì để đạt kết quả tu hành cũng không khác gì lời của Phật Thích Ca thuyết, vì chính các Ngài là những người được Phật Phó chúc để giữ gìn và phát huy Giáo Pháp của Ngài.

Do các Tổ là người gần với thời chúng ta nên ngôn ngữ cũng gần gũi hơn, dễ tiếp thu hơn. Xin phép được phân tích những gì tôi hiểu được khi đọc kỹ Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA.

Mở đầu, Kinh nói về một cuộc hội ở núi Kỳ Xà Quật nơi Thành Vương Xá, trong đó có chúng Đại Tỳ Kheo 1.200 người, họ đều là bậc A La Hán.

Trước khi Phật giảng Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA thì Phật giảng Kinh ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA. Ý nghĩa việc này ra sao ?

Trong Phẩm ĐỨC HẠNH của Kinh ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA, ta thấy nói về sự vân tập của thánh chúng. Họ không phải

là những người sơ cơ mới bước vào con đường Đạo, mà là những người đã chứng ngộ Năm Phần Pháp Thân gồm : GIỚI, ĐỊNH, TUỆ, GIẢI THOÁT và GIẢI THOÁT TRI KIẾN. Tâm thường an trụ trong pháp Chánh Định, an ổn, lặng lẽ, thông suốt các Pháp, có thể phân biệt, giảng nói cho chúng sinh.

Đến đây chúng ta được Kinh giải thích thế nào là PHÁP THÂN. Tức là Cái Thân được hình thành bằng những Pháp của Đạo.

Mục đích Phật giảng Kinh ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA, là để trả lời cho câu hỏi của Ngài Đại Trang Nghiêm Bồ tát và tám vạn Bồ Tát khi họ hỏi:

“ Đại Bồ Tát muốn mau thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác phải tu pháp môn chi ?

Phật dạy : “Có Pháp Môn tên là VÔ LƯỢNG NGHĨA. Người muốn tu pháp môn này phải “Quán chiếu tất cả Các Pháp”.

Tức là người tu muốn có được CHÁNH BIẾN TRI GIÁC thì cần phải Quán chiếu Các Pháp. Phải rõ thấu hết thấy các Pháp. Phải quan sát kỹ càng hết thấy Các Pháp.

Kinh cũng mô tả về CÁC PHÁP : *“Tất cả các Pháp từ xưa tới nay Tánh, Tướng vắng lặng, không lớn, không nhỏ, không Sanh, không diệt, không phải đứng yên, không phải chuyển động, chẳng tiến, chẳng lui, như Hư Không, không có cái thứ hai.*

Thế mà chúng sanh mê mờ, chấp trước sai lầm rằng đây, rằng kia, là được, là mất, rằng phải, rằng quấy, là tốt, là xấu, khởi niệm không lành, tạo ra Nghiệp Ác mà Luân Hồi mãi trong Lục Thú, thọ lấy vô lượng kiếp khổ đau không thể tự ra.

Do chúng sinh căn tánh bất đồng, chỗ tham muốn cũng khác, nên Bồ tát cũng tùy theo đó mà thuyết pháp để cứu giúp cho chúng. Dù vậy, hơn 40 năm thuyết pháp, lúc nào Phật cũng nói về BỐN NGHĨA : Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã của Pháp Tướng. Các Pháp mà Phật thuyết ra từ ban đầu, khoảng giữa, về sau đều có thể trừ dứt Phiền Nã của chúng sinh.

.Cả Ba thời Pháp, Phật đều thuyết về các Pháp giống nhau :

Từ thời Pháp đầu tiên cho Năm người ở vườn Lộc Giả, Phật cũng thuyết : “Các pháp xưa nay vốn không tịch, chuyển đổi không ngừng, niệm niệm sanh diệt”.

Lúc vì Chư Tỳ Kheo và Bồ Tát phân biệt giảng thuyết Thập Nhị nhân Duyên, Sáu Ba La Mật cũng thuyết rằng : “Các Pháp xưa nay vốn không tịch, chuyển đổi không ngừng, niệm niệm sanh diệt”.

Hiện nay thuyết Kinh ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA cũng nói : “Các pháp xưa nay vốn không tịch, chuyển đổi không ngừng, niệm niệm sanh diệt” .

Tóm lại là trong Kinh ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA, Phật dạy Bồ tát muốn có được CHÁNH BIẾN TRI GIÁC thì PHẢI QUÁN CHIẾU CÁC PHÁP, bởi vì sở dĩ con người phải KHỔ là cũng do chấp lấy

CÁC PHÁP, do không biết nó không trường tồn, nó là Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã, nên chấp, dính mắc vô đó, không thể rời xa.

PHÁP, theo Đạo Phật là tất cả những gì ta có thể nhận biết được, Cái gì có Khởi, có Diệt, thì dù nhận biết bằng giác quan hay cả những ý nghĩ cũng đều là Pháp. Tất cả Pháp đều Sinh, tồn tại dài hay ngắn, rồi sẽ thay đổi, cuối cùng là chấm dứt, gọi là Diệt, theo quy trình SINH, TRỤ, DỊ, DIỆT.

Khi vào tu Phật thì những PHÁP bên ngoài không quan trọng bằng CHÍNH CÁI THÂN CỦA TA. Nó cũng là MỘT PHÁP, cũng chịu sự Sinh, Diệt như muôn vạn Pháp khác. Nhưng quy trình của nó là SINH, LÃO, BỆNH, TỬ. Nó là PHÁP khó xa rời nhất, bởi vì từ lúc sinh ra, ý thức, biết đói, khát, lạnh, nóng.. thì mọi người đều cho rằng CÁI THÂN LÀ MÌNH.

Chính vì vậy, người tu hành không phải để Quán sát hoa nở, hoa tàn, trăng tròn rồi khuyết, núi lở, sông bồi hay biển cả hóa cồn dâu... để thấy rằng Vạn Pháp VÔ THƯỜNG, dù thật sự là chúng nó Vô Thường : Thấy đó rồi biến đổi đó. Nhưng bởi vì cái Vô Thường đó không ảnh hưởng đến ta, trong khi mục đích tu hành của ta là để THOÁT KHỔ. Do đó, người muốn tu hành để được Giải Thoát thì có 3 chỗ quan trọng cần phải Quán Soi cho kỹ, đó là THÂN, TÂM và PHÁP. Bởi vì Ràng buộc hay Giải Thoát, Phiền Não hay Bồ Đề, Chứng Thánh hay đọa Phàm, Thành Phật hay mãi mãi là Chúng Sinh, Mê hay Ngộ cũng ở BA nơi đó mà ra.

Có Cái Thân là có KHỔ. Nào là người thương thì không được ở gần. Kẻ oán ghét cứ phải gặp gỡ. Cầu không được, ước không thấy. Nghịch pháp chỉ chờ cơ hội là tấn công. Rồi vì thói quen nên tạo ra Nghiệp, rồi chính cái Nghiệp sẽ lôi mỗi người vào vòng Luân Hồi. Hết Sinh lại Tử, Tử rồi lại sinh không có lúc ngưng. Chính vì vậy mà Đạo Phật đưa ra TỬ DIỆU ĐẾ để con người nhìn cho kỹ những diễn biến trong cuộc sống. Hiểu rõ hơn về kiếp sống của chính mình. Khi ý thức cuộc đời tuy thỉnh thoảng cũng có chút vui, nhưng KHỔ nhiều hơn thì người muốn tu hành để Thoát Khổ sẽ nhờ DIỆT ĐẾ để diệt hết những nỗi KHỔ và ĐẠO ĐẾ để giúp được GIẢI THOÁT.

ĐẠO ĐẾ cũng là BÁT CHÁNH ĐẠO, là Tám con đường CHÂN CHÁNH giúp con người giữ gìn, chỉnh sửa từ Ý tưởng cho tới hành động, kể cả nói năng, suy nghĩ nghề nghiệp, cũng đều phải CHÂN CHÁNH. Hành theo Tám con đường này thì sẽ giữ được THÂN, KHẨU và Ý tịnh Ba Nghiệp (Tham, Sân, Si). Không tạo Ác Nghiệp, mà lại hành THIÊN NGHIỆP thì không chỉ kiếp hiện tại được an vui mà sau khi bỏ cái Thân không phải bị đọa vào các đường dữ, lại được về những cảnh giới tốt đẹp. Do đó, tóm lại, tuy Phật dùng nhiều phương tiện để giáo hóa con người. Dù nói Quả Vị, nói Phật Quốc, nói Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh...nhưng rốt lại mục đích chỉ để dứt trừ Phiền Não cho con người mà thôi.

Mở đầu Phẩm TỰA, Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA tả cảnh câu hội tại núi Kỳ Xà Quật, trong đó ta thấy các Vị Tỳ Kheo và các Thanh Văn... đều là những bậc A La Hán :

Nơi đây chúng ta được giải thích thế nào là Bậc A La Hán :
“Các lậu đã hết, không còn phiền não, việc lợi mình đã xong, dứt sự ràng rịt trong các cõi”.

Kinh cũng giải thích thế nào là bậc Đại Bồ Tát : “ *Không thối chuyển ở nơi Đạo Vô Thượng Chánh Giác. Đều chứng đặng Pháp Đà La Ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển nói Pháp Luân Bất Thối Chuyển, từng cúng dường vô lượng trăm nghìn Chư Phật, ở nơi các Đức Phật trồng các cội công đức.*

Dùng Đức Từ để tu thân, khéo chứng Trí Huệ của Phật. Thông đạt Đại Trí đến nơi bờ kia, có thể độ vô số trăm nghìn chúng sanh”.

Quá mô tả về tính cách của A La Hán và Bồ Tát, chúng ta thấy rõ sự khác biệt : A La Hán thì chỉ xong phần mình, không còn phiền não. Bồ Tát thì còn Chuyển Pháp Luân và Cúng dường vô lượng trăm nghìn Chư Phật. “Cúng Dường Phật” có nghĩa là “ĐỘ SINH”, là “Đưa” hay “Chuyển” Chúng Sinh qua bờ bên kia gọi là “Đưa Chúng Sinh thành Phật”.

Ánh sáng của Phật phóng ra làm cho những người tham dự được thấy các Cõi Phật trang nghiêm, trong đó TRỜI, NGƯỜI, RỒNG, THẦN, CÀN THÁT, KHẮN NA LA đều cúng dường Phật mình. Các Bồ Tát cũng ở TẠI NƯỚC MÌNH nói Pháp cầu Phật Đạo”.

Đây chắc chắn là phần mô tả trong CẢNH GIỚI BẤT NHỊ, tức là Cảnh giới trong Nội Tâm của Phật. Vì thế, trong đó các Bồ Tát nói Pháp tại Nước Minh, và các Trời, người, rồng, thần...trong đó đều CÚNG DƯỠNG PHẬT MÌNH, không phải là Phật bên ngoài nào khác.

PHẬT MÌNH không phải là tượng Phật của riêng mình, do chính mình thỉnh về, mà theo Đạo Phật giải thích, thì trong cái Tâm của mỗi người khi chưa tu hành thì gọi là PHÀM THÁNH ĐỒNG CƯ. Tức là có những tư tưởng tốt đẹp mà cũng có những tư tưởng còn nhiễm những tính xấu, tính ác, những mưu toan, đố kỵ, ghen ghét, Tham Sân Si mà Kinh gọi là Rồng, Thần, Càn Thát Bà, Khẩn Na La...

Khi vào tu Phật, hành giả được dạy QUÁN SÁT CÁC PHÁP, và Quán Soi cái Tâm của mình. Trong đó Đức Thích Ca phân ra có 3 loại tư tưởng :

1/- Tư tưởng thuần thiện, lúc nào cũng an nhiên, thanh tịnh gọi là PHẬT.

2/- Tư tưởng nhiễm những tính xấu Tham Sân Si, đố kỵ, ghen ghét, muốn hại người, toan tính làm những điều bất lương, gọi là CHÚNG SINH.

3/- Tư tưởng trung gian, chuyên làm công việc khuyến giải, nhắc nhở cho những tư tưởng còn nhiễm những tính xấu đó bỏ đi những cái xấu, gọi là BỒ TÁT.

Khi có những tư tưởng Khởi xấu, tốt, thiện, ác... khởi lên trong Tâm. Nếu là người lương thiện hay có Tâm tu hành thì đồng thời sẽ có tư tưởng suy nghĩ, cân nhắc, giáo hóa để nó chấp nhận bỏ cái xấu đi. Kinh gọi những tư tưởng đó là “*BỒ TÁT cứu độ Chúng Sinh*” hay là “*Đưa được một Chúng Sinh về Phật Quốc*”. Tư tưởng lúc nào cũng lắng nghe, theo dõi Chúng Sinh Khởi trong Tâm mình để kịp thời cứu độ cho chúng, Phật gọi là QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT. Công việc chuyển hóa Chúng Sinh đó mới gọi là tu hành. Đó gọi là lập CÔNG ĐỨC, tức là tẩy rửa những tạp chất bám vào Phật của mình, cho Phật của mình được lộ ra. Còn hướng ra ngoài để cất Chùa, dựng tượng, tụng Kinh, Niệm Phật hay làm những Thiện Pháp khác thì chỉ là làm Phước Đức mà thôi.

PHẨM PHƯƠNG TIỆN (2)

Mục đích Tu PHẬT chỉ là để được Giải Thoát, HẾT KHỔ mà thôi. Nhưng vì con người quá ham mê trần cảnh, nên dù bị Khổ mà không thể dứt ra. Vì vậy, Phật phải dùng nhiều Phương Tiện.

Trong Phẩm PHƯƠNG TIỆN, Phật giải thích: Từ khi Thành Phật đến nay, Phật dùng các món Nhân Duyên và vô số phương tiện để giảng nói, mục đích là làm cho chúng sanh xa lìa lòng chấp. Các Đức Thế Tôn hiện ra nơi đời chỉ vì *muốn cho chúng sanh Khai tri kiến Phật để được thanh tịnh. Muốn chỉ tri kiến Phật, muốn cho chúng sanh tỏ ngộ tri kiến Phật, muốn cho*

chúng sanh Chúng vào đạo tri kiến Phật mà hiện ra nơi đời. Các Đức Phật như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, những điều làm ra thường vì đem tri kiến Phật chỉ cho chúng sanh tỏ ngộ thôi.

Phật quá khứ hay Phật hiện tại, dù giải thích các kiểu, dùng đủ thứ Phương tiện, nhưng tất cả chỉ vì một việc : ĐEM TRI KIẾN PHẬT CHỈ CHO CHÚNG SANH TỎ NGỘ mà thôi. Không phải là để Chúng Đắc Quả Vị cao, thấp. Do đó, “*nếu có các Đệ tử Phật tự cho mình là Duyên Giác cùng A La Hán mà không biết không hay việc của các Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát thì những người này không phải là đệ tử Phật, cũng không phải là A La Hán, chẳng phải là Duyên Giác. Nếu có các Tỳ Kheo tự cho mình đã đặng A La Hán là thân rốt sau rốt ráo Niết Bàn mà không chịu cầu Đạo Vô Thượng thì đó là những người Tăng Thượng Mạn*”.

Trước đây Phật vẫn dạy rằng : “*Pháp của ta hay là SANH, LÃO, BỆNH, TỬ, rốt ráo Niết Bàn*”. Các vị Bồ Tát trong Phẩm dù đã rời Chấp Ngã cùng CHẤP CÓ, CHẤP KHÔNG thì thấy là đã Chúng Niết Bàn, tưởng như vậy đã hoàn tất con đường tu hành. Nay Phật lại nói rằng Phật nói : “*các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ đều là đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*” nên không hiểu ra sao . Họ đã Quán soi các Pháp, để thấy nó cuối cùng đều trở về KHÔNG, nên họ không dính vào các Pháp, cũng như không nghĩ gì tới nó, để cái tâm trống rỗng nên thấy mình thấy mình đã được thanh tịnh, đắc Quả A La Hán đạt được Niết Bàn. Tuy nhiên, cái Niết Bàn đó chỉ là do để cái Tâm rỗng không, không nghĩ tới,

không tiếp xúc với các Pháp rồi được an ổn, nên chưa phải là mục đích cuối cùng của người tu Phật.

Sở dĩ Phật phải đưa ra PHÁP KHÔNG là vì khi còn là phàm phu, mọi người chỉ thấy các pháp CÓ, rồi vướng mắc, đau khổ với nó nên khi vào tu hành thì Phật chỉ cho mọi người quán sát, để thấy những cái CÓ đó chỉ là tạm thời, mục đích là để con người bớt dính dính mắc rồi phải đau khổ. Nhưng CÁI KHÔNG không phải là mục đích cuối cùng của Đạo Phật. Người tu Phật không phải để tránh xa pháp, không tiếp xúc với nó để được an ổn, mà phải học cách để hóa giải nó, để vẫn tiếp tục sống chung với những Pháp Thuận, Nghịch, mà không còn bị nó làm cho phiền não nữa. Được như Hoa Sen, sinh ra, lớn lên, tàn rụi trong bùn, mà bùn không làm cho ô nhiễm. Đó mới là mục đích của Đạo Phật. Đó là lý do ĐẠO PHẬT đã dùng HOA SEN làm biểu tượng.

Vì vậy, nếu trước đây Phàm phu Chấp CÓ là đã sai, giờ Thịnh Văn CHẤP KHÔNG cũng không đúng. Vì các Pháp vẫn đang hiện hữu. Vì thế, cho rằng Các Pháp là KHÔNG thì thiếu thực tế. Do đó, Phật dạy người tu phải Quán Sát các Pháp. Phải nhìn đến tận cùng của các Pháp, để biết rằng cuối cùng nó sẽ trở về KHÔNG. Nhưng cái KHÔNG chỉ là một phương pháp tạm thời để gỡ cái CHẤP CÓ mà thôi. Người tu Phật cần Quán sát tiếp để thấy rằng các PHÁP hiện tại đang CÓ, nhưng không bền, lúc nào đó sẽ hư hoại. Vì thế gọi là TẠM CÓ, và người tu Phật là để học cách giải quyết thế nào để vẫn tiếp tục sống với Cái TẠM CÓ, mà không bị

nó làm Khổ nữa, không phải là vô Chừa, núp sau cổng Chừa hay lên non cao động vắng để các Pháp không chạm tới mình được rồi cho là thanh tịnh, an ổn, là đạt Niết Bàn, vì đó là né Pháp, tránh Pháp, không phải là Thoát Pháp.

Mục đích Tu Phật là để giải quyết khỏi những nỗi Khổ của cuộc sống. Vì vậy, người tu không phải để tránh né cuộc đời, mà phải nhìn nhận thực tế, tiếp tục sống giữa cuộc đời, giữa Các Pháp, mà Các Pháp không còn làm tổn hại được mình nữa, bằng cách học hỏi, thực hành những Pháp mà Đạo Phật hướng dẫn. Không phải tưởng tượng các Pháp là KHÔNG, hay tránh né, không cho nó chạm đến mình để nó không làm Khổ được mình ! Do vậy, Phật dạy : *“Nếu hàng Đệ Tử Phật mà cho rằng mình đã đắc Quả A La Hán là đã được Niết Bàn rồi mà không chịu nghe Phật dạy tiếp thì đó không phải là chân Đệ tử của ta”*.

Bởi vì người đạt Quả vị A La Hán là người cho rằng CÁC PHÁP LÀ KHÔNG, rồi ngưng hết mọi suy nghĩ, thì không thực tế, và nếu Diệt hết mọi tư tưởng, không Tư Duy thì làm sao sinh được Trí Huệ ? Trong khi Các Pháp HIỆN ĐANG CÓ, nhưng không trường tồn, gọi là TẠM CÓ, rõ ràng không phải là hoàn toàn KHÔNG ?

Phật thì nói rằng các Pháp là TẠM CÓ. Do đó, người nói CÁC PHÁP LÀ KHÔNG thì đâu phải là ĐỆ TỬ của Phật.

PHẨM THÍ DỤ (3)

Khi Ngài Xá Lợi Phất nghe Phật nói là dù Phật bày ra nhiều phương tiện, nhưng không có Thừa nào khác, chỉ có một Phật Thừa thôi thì các Ngài rất vui mừng tự biết mình cũng sẽ thành Phật. Lúc đó các Ngài mới biết rằng mình thiệt là Phật Tử, từ miệng Phật sanh, từ Pháp hóa sanh, đặng pháp phần của Phật. Phật thọ ký cho Xá Lợi Phất sẽ thành Phật. Khi Bốn bộ chúng thấy Ngài Xá lợi Phất sẽ thành Chánh Đẳng Chánh Giác thì hớn hở vui mừng, mỗi người đều cố Y mình đang đắp để cúng dường Phật.

Tất nhiên là “*cởi y để cúng dường Phật*” không phải là cởi quần áo đang mặc trên người để cúng cho Phật, mà là cởi bỏ những kiến chấp, những sự hiểu lầm về Đạo từ trước đến giờ vẫn bao trùm Thân và Tâm.

Phật dùng thí dụ cho các QUẢ VỊ như sau : *Trong một tụ lạc đó có một trưởng giả đã nhiều tuổi, giàu có, nhà rộng và tô tở. Nhà ông rộng lớn NHƯNG CHỈ CÓ MỘT CỬA ĐỂ RA VÀO, mà vách phen đã sụp đổ, chân cột hư nát, trích xiêng, xiêu ngã, bốn phía đồng một lúc lửa bùng nổi lên, đốt cháy...trong khi đó những người con của ông trưởng giả rất đông, đang ở trong đó.*

Ông trưởng giả nghĩ cách để chúng nó tự chạy ra. Ông bảo với chúng là Nhà đang cháy, hãy mau chạy ra, nhưng chúng không tin vì không hiểu gì là Nhà, gì là Lửa, nên tiếp tục chạy giỡn.

Thấy vậy, ông nghĩ rằng chắc phải bày ra Phương tiện để chúng chịu chạy ra. Biết chúng nó vẫn thích đồ chơi trân bảo, hiếm có, nên ông bảo với chúng là ngoài cửa có Xe Dê, Xe Trâu và Xe Nai, nếu chúng chạy ra ông sẽ cho. Thế là chúng nó tranh nhau chạy ra để lấy đồ chơi. Nhờ đó mà tất cả thoát chết.

Đồ chơi hay BA XE đó tượng trưng cho BA THỪA. Dù người tu hành chọn Thừa nào để tu thì cuối cùng cũng Thoát Khổ.

Ngôi nhà mục nát, lửa vây bốn bề, sắp sập, là Phật nói về cái THÂN TỬ ĐẠI của mỗi người đang bị Lửa THAM, SÂN, SI bao vây và từng bước đang đi vào hư hoại.

Những người không tu hành thì được Phật ví như những đứa con của Ô. Trưởng giả, cứ vô tư chơi đùa trong nhà, không hề biết rằng nếu Nhà cháy thì mình cũng bị thiêu trong đó nên không hề có ý muốn chạy ra. Do đó, Phật như người cha thương các con, thấy nó bị bao vây trong nhà Lửa, nên tìm cách dụ cho nó ra bằng cách hứa hẹn Quả Vị, để cho những ai, dù chỉ vì thích Quả Vị mà phát tâm tu hành, thì không những đều được thoát chết, mà còn được an vui, hạnh phúc tại kiếp sống gọi là Hữu Dư Y Niết Bàn.

Tại sao Nhà rộng mà chỉ để có MỘT CỬA RA VÀO ? Cửa đó chính là TRÍ HUỆ. Phương tiện để tu hành Thoát Khổ là TRÍ HUỆ. Người thiếu Trí Huệ thì không thể tu hành đạt kết quả được.

XUẤT GIA không phải là rời ngôi Nhà Thế Tục, mà là RA KHỎI NHÀ LỬA TAM GIỚI, là Tham, Sân và Si.

Tóm lại, mục đích các Đức Phật ra đời chỉ vì để Độ cho Chúng Sanh ra khỏi nạn lửa SANH, GIÀ, BỆNH, CHẾT, LO BUỒN KHỔ NÃO, NGU SI TẮM TỐI, BA ĐỘC. Nhưng vì Chúng Sanh không hiểu được cái họa nếu không ra khỏi Nhà Lửa là sẽ bị chết thiêu trong đó, nên không muốn phát tâm tu hành. Biết họ ham mê Quả Vị, nên phải dùng Quả Vị là THANH VĂN, DUYÊN GIÁC và PHẬT THỪA để dụ cho chúng ra.

Nhưng khi các con đã ra khỏi Nhà Lửa, được an ổn thì người cha đồng ban cho pháp Đại Thừa. Bởi vì dù Phật nói Ba Thừa, nhưng chỉ dùng Đại Thừa mà độ cho tất cả, vì duy chỉ có một Thừa, nhưng phân biệt mà nói thành Ba.

Khi nói Thừa nọ Thừa kia thì nhiều người khởi cao thấp, hơn thua, cho là Thừa mình đang theo mới là đúng. Nhưng theo Phật thì dù theo bất cứ Thừa nào thì người tu cũng được dạy cho Cải Ác, hành Thiện, thì cuối cùng tất cả đều được Thoát Khổ.

PHẨM TÍN GIẢI (4)

Khi nghe Phật giải thích rõ ràng như thế, những Đại Đệ tử của Phật tự nhận: Trước kia các Ngài thuộc hàng Tăng, tuổi đã già, tự cho đã được Niết Bàn, chẳng còn cầu Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nữa. Lúc trước, họ nghe Phật giảng nhưng chỉ nhớ Ba Pháp : KHỔ, KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC, đối với các pháp du hí thần thông, tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh của Bồ Tát lòng không ưa thích. Hôm nay nghe Phật thọ Ký

cho Thanh Văn sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác lòng rất vui mừng. vì không mong cầu mà lại được.

Các Ngài dùng thí dụ để nói cho rõ nghĩa : *Có người từ tuổi thơ bé đã bỏ cha trốn đi nước khác đến mấy mươi năm. Giờ đã lớn tuổi lại nghèo nàn, rong ruổi bốn phương chỉ để cầu có cơm ăn, áo mặc qua ngày, trong khi người cha thì rất giàu có.*

Người cha hằng thương nhớ con và tự nghĩ của cải mình nhiều có, nếu mai kia chết đi thì không biết giao cho ai. Giá mà tìm được con để giao lại cho nó thì rất vui mừng.

Đứa con tình cờ lưu lạc đến nhà của người cha, đứng nhìn qua cửa thấy nhà của rất giàu có, đầy đủ những đồ sang, quý, nên gã lo sợ thấy rằng nếu đứng lâu ở đây có thể bị bắt, nên bỏ chạy đi xóm khác.

Lúc đó người cha đã nhận ra con, nên sai người đuổi theo, bắt lại. Gã con sợ quá ngất xỉu. Người cha thấy vậy liền kêu gia đình rưới nước cho nó tỉnh lại, đừng nói gì với nó hết, cứ thả cho nó đi, sợ nó biết mình giàu càng làm cho nó sợ thêm. Đứa con được thả mừng quá, chạy đi tìm xóm nghèo để làm thuê sống qua ngày.

Bây giờ ông trưởng giả mới kêu hai gia đình giả bộ lân la tới rủ gã nghèo đi tìm chỗ làm mới, có người thuê hốt phân, trả lương cao. Sau khi hỏi giá cả gã nghèo chấp nhận về làm. Người cha thấy con nghèo khổ, tiều tụy, bụi bặm dơ dáy nên cứ bỏ đồ trang sức, ăn mặc đồ dơ dáy đến gần nó để kêu nó siêng năng

làm việc và đừng đi nơi khác, sẽ trả thêm tiền cho nó và nếu nó cần gì thì sẽ cung cấp cho. Ông nói vì ông tuổi đã già và thấy nó làm việc siêng năng hơn những người khác nên xem nó như con, và gọi nó là Con.

Gã nghèo rất mừng, nhưng vẫn thấy mình là kẻ làm công hèn hạ nên dù ở trong nhà cha cả 20 năm mà vẫn hốt phân và vẫn ở nguyên chỗ cũ.

Bây giờ người trưởng giả có bệnh, biết rằng sẽ không còn sống bao lâu, nên mới gọi gã nghèo tới nói với gã rằng ông rất giàu có nhiều vàng bạc châu báu và chỉ cho hẳn ta nơi cất giữ. Gã ta tuy nhận lời giữ nhưng cũng không mừng và không có ý muốn lấy những của cải đó, vẫn giữ mức sống như cũ.

Ít lâu sau, người cha biết mình sắp chết và đưa con cũng đã thông thái. nên ông gọi người con đến và cho mời thân tộc, quốc vương, vua quan đại thần và tuyên bố: “Đây là con của ta, năm xưa bỏ ta trốn đi, trôi nổi, khổ sở, nay tình cờ nó trở về. Nó là con ta, ta sẽ trao cho nó tất cả tài sản mà ta có”. Gã rất vui mừng vì không có lòng mong cầu mà kho báu tự nhiên đến”.

Phẩm này nói về những Phật Tử. Là Phật Tử, tức là CON CỦA PHẬT. Con thì phải nối nghiệp Cha. Con của Phật thì phải Thành Phật, thì lẽ ra phải vào nhà cha mình để nhận lấy gia tài của cha là GIẢI THOÁT, THÀNH PHẬT, thì mọi người lại xem Phật là Thần Linh, mình chỉ là tín đồ, để rồi chỉ biết THỜ PHẬT, ngày

ngày hương khói cầu xin Phật phù hộ, độ trì, không dám tu hành theo Phật Thừa để được nhận Gia Tài GIẢI THOÁT của Phật !

Đứa con đó tuy ở ngay trong nhà của Cha, nhưng thiếu hiểu biết, không biết đó là Cha của mình, nên có cho gia tài thì nó cũng giữ đó không dám xài tới. Cho đến khi nó đã thông thái, tức là đã có Trí Huệ, ý thức mình thật sự là CON CỦA PHẬT, Thật sự là người thừa kế sự nghiệp GIẢI THOÁT của Cha, thì người cha mới trao gia tài GIẢI THOÁT cho nó vậy.

PHẨM ĐƯỢC THẢO DỤ (5)

Phật bảo các Đại Đệ tử : Những lời của Đức Như Lai nói ra đều không hư dối. Phật dùng sức trí huệ phương tiện mà diễn nói. Dù Phật nói cùng một PHÁP, nhưng tùy tâm ý của người nghe mà nhận được lợi ích. Như trận mưa xuống thì các cây cối dù lớn hay nhỏ tùy hạng đều được lợi. Các Chúng Sinh nghe pháp rồi hiện đời an ổn, đời sau sanh chỗ lành, do đạo được thọ hưởng vui và cũng được nghe Pháp. Đã nghe pháp rồi lìa khỏi các chướng ngại, ở trong các pháp theo sức mình lần lần được vào đạo.

PHẨM THỌ KÝ (6)

Tiếp theo, Phật Thọ Ký cho Ông. Ma ha Ca Diếp, ở đời vị lai sẽ *“phụng thờ ba trăm muôn ức các Đức Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen rộng nói vô lượng Đại Pháp của các Đức Phật, ở nơi thân rốt sau đặng thành Phật”*.

Phật cũng Thọ Ký cho Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên Đại Mục Kiền Liên, tóm lại là cả Năm trăm người đều được Thọ Ký.

Phật không chỉ Thọ Ký cho Chư Đại Đệ Tử mà còn Thọ Ký cho tất cả mọi người : *“Ta là Phật đã thành. Tất cả Chúng Sinh là Phật sẽ thành”*.

Phẩm này nói về CON ĐƯỜNG ĐỘ SINH.

Muốn Thành Phật thì phải Độ Sinh. Người Tu Phật là phải biết thế nào là CHÚNG SINH ? Chúng nó ở đâu ? “Độ” cách nào ? Rồi thực hành thì mới có thể đạt được mục đích của Đạo Phật như Đức Thích Ca mong muốn.

ĐỘ SINH được diễn tả nhiều cách : “Cúng Dường Phật”, “Cứu Độ Chúng Sinh”, “Đưa Chúng Sinh thành Phật”, “Cúng dường các Đức Như Lai”...

Lục Tổ Huệ Năng đã giải thích rất rõ về CHÚNG SINH trong P HÁP BẢO ĐÀN KINH như sau :

“Chư Thiện Tri Thức. Chúng Sanh trong Tâm mình tức là : Lòng tà mê, lòng giả dối, lòng biết thiện, lòng ghen ghét, lòng ác độc. Các Tâm này đều gọi chung là chúng Sinh. Mỗi người phải dùng Tánh mình mà độ lấy mình, mới là thiệt độ”.

Nhưng có lẽ do thời xa xưa, giao thông chưa thuận tiện, nên Kinh sách chưa đến được nhiều nơi, nhiều người không có cơ duyên gặp Kinh ĐẠI THỪA nên không đọc được. Hoặc do cố chấp, chê Kinh ĐẠI THỪA không chịu đọc, Vì thế, ta thấy đa phần

các Thiền Sư và nhiều bậc tu hành ngày trước, kể cả nhiều vị tu hành hiện đời. Hoặc không hề nghe nói thế nào là Chúng Sinh, hoặc hiểu lầm, tưởng Chúng Sinh là những người theo mình để nghe giảng dạy, nên thay vì đi tu là học cách để Giải Thoát, Thành Phật, thì họ học Pháp để đi thuyết pháp cho bá tánh, cho đó là “Độ Sinh”. Một số Tăng thì cho việc đi Cầu Siêu cho người qua đời, cho đó là cứu độ cho vong linh !. Họ quên rằng Phật không phải là Thần Linh thì làm sao cứu độ cho ai, dù là vong linh hay những người còn đang sống ?

Trong khi đó, tu hành đúng theo Chánh PHÁP thì phải biết CHÚNG SINH là những ý tưởng chưa thanh tịnh của mình. Từng sát na chúng nó xuất hiện trùng trùng, điệp điệp. Vì vậy mà người tu hành phải Quán Sát các Pháp, phải biết Chúng Sinh là ở trong Tâm của mình để chuyển hóa nó gọi là “Độ Sinh”.

Phật muốn thành Phật cũng phải “*Diệt Độ vô lượng chúng sinh*”. Phải “*Độ tận chúng sinh*” thì mới thành Phật được. Nhưng “*Diệt mà không có diệt*”, tức là chỉ chuyển hóa chúng, không phải là triệt tiêu chúng. Người tu cần phân biệt “Diệt Độ Chúng Sinh” với “Diệt tận Định”. Vì “Diệt Độ chúng sinh” chỉ là Hóa giải hay Chuyển hóa những tư tưởng chưa thanh tịnh, còn mưu mô, thủ đoạn, tính làm những chuyện ác, chuyện xấu, cho nó bỏ đi những cái Xấu, Ác, trở thành thanh tịnh. Còn “Diệt Tận Định” là dừng hết mọi nghĩ tưởng, không dám nghĩ gì hết , vì nghĩ rằng nếu có khởi lên ý tưởng là “Thất Niệm” !

Cũng giống như người làm nông. Chỉ nhổ bỏ những cây cỏ có hại, còn cây lúa, cây mạ thì giữ lại, không phải là nhổ sạch, cỏ hay mạ gì cũng nhổ bỏ hết ! Người diệt tất cả những tư tưởng, tốt cũng như xấu thì sẽ trở thành vô tri, ngơ ngơ ngáo ngáo đâu có phải là người có TRÍ HUỆ của Đạo ? Do đó, Kinh A Di Đà viết : *“Ta đã diệt độ vô lượng vô số Chúng Sinh, nhưng thật ra không có Chúng Sinh nào bị diệt độ cả”*, vì tuy nói là *“DIỆT ĐỘ chúng sinh”*, nhưng thật ra chỉ là Giáo Hóa những chúng sinh Bất Thiện, cho chúng trở thành thanh tịnh, thánh thiện mà thôi.

Đạo Phật dạy phải VẤN, TƯ, TU. Tức là khi nghe Pháp hay đọc Kinh thì phải suy xét cho thật kỹ (Tư Duy) để tìm ra ý nghĩa đúng rồi mới thực hành theo đó. Người tu phải Quán sát, soi xét từng việc, từng pháp, vì có hiểu rõ về nó thì mới thuyết phục được Chúng Sinh. Xả nó, không dính mắc với nó nữa, gọi là “Cứu độ Chúng Sinh”. Không phải bỏ cái tâm trống không, cả Tốt lẫn Xấu đều không dám nghĩ tới. Vì tình trạng đó Chư Tổ gọi là Vô Ký Không !

Nếu ta không biết rằng Chúng Sinh là những tư tưởng chưa thanh tịnh trong Tâm mình để “Độ” cho nó, thì không thể hoàn tất được việc *“Độ tận Chúng Sinh”* để thành Phật. Ngược lại, nếu thấy Chúng Sinh là bá tánh bên ngoài, rồi quay ra để giảng Pháp, cứu độ cho họ, thì đó là ĐỘ THA không phải là TỰ ĐỘ của Đạo Phật chân chính.

PHẨM HÓA THÀNH DỤ (7)

Phật nói về những người NGÔI THIÊN như Đức Đại Thông Trí Thắng thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na do tha kiếp, Đức Phật trước đó ngồi đạo tràng phá quân ma rồi , sắp đặng Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác mà Phật Pháp chẳng hiện ra trước, như thế một tiểu kiếp cho đến mười tiểu kiếp, Thân và Tâm không động mà các Phật Pháp còn chẳng hiện ra trước. Cho đến khi Phật Pháp hiện ra trước thì mới thành đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Chư Tổ hay ví CÁI TÂM như là Vua trong một Thành. Những ý tưởng là cận thần hay các quan, dân trong đó. Khi Vua Phát Tâm tu hành thì cả thần dân cũng bỏ hết để theo đưa. Chư Tổ cũng gọi VÔ MINH, THAM ÁI là Cha và Mẹ của chúng sinh, vì nó cũng sai sử tâm ý người chưa tu như cha mẹ sai con.

Lúc Đức Đại Thông Trí Thắng đặng quả Vô Thượng Chánh Giác thì mười phương cõi nước sáu diệu vang động. Trong các cõi nước đó chỗ tối tăm ánh sáng của Nhật nguyệt không soi tới đặng mà đều sáng rõ, trong đó chúng sanh đều đặng thấy nhau, đồng nói rằng : “trong đây sao bỗng sanh ra Chúng Sinh” ? Đó là Kinh tả về Chúng Sinh trong Tâm.

Trong phẩm này ta thấy người tu hành không thể thành công nếu PHẬT PHÁP CHẴNG HIỆN RA TRƯỚC.

Đã không hiểu thế nào là Phật Pháp thì dù có Ngôi Thiên, Thân và Tâm bất động đến mười tiểu kiếp như Phật Đại Thông Trí

Thắng cũng không thể thành Phật được. Cho đến khi Phật Pháp hiện ra thì mới thành Phật.

Kinh THỦ LĂNG NGHIÊM dạy : “ *Như Quốc Vương bị giặc đến vây thành, mang quân đi dẹp. Nếu không biết giặc trú ngụ phương nào thì không thể dẹp được*” . Người tu mà không biết lý do cần tu hành. Không hiểu điều gì ràng buộc ? Không biết nó ràng buộc ở đâu ? Ràng buộc như thế nào ? Tháo gỡ cách nào ? thì làm sao tháo gỡ để được Giải Thoát ? Đó là lý do nhiều người Ngồi Thiền mãi không đạt kết quả.

Khi Phật “Chuyển Pháp Luân”, tức là giảng về TỨ DIỆU ĐẾ và THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN thì những người nghe Pháp, do KHÔNG THỌ TẤT CẢ PHÁP MÀ LẬU TÂM ĐƯỢC GIẢI THOÁT.

Trong THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN thì VÔ MINH là mắc xích chính. Khi không còn Vô Minh nữa thì sẽ không hành động, không đưa tới những chuỗi hậu quả sau đó.

Muốn Trừ VÔ MINH thì phải có TRÍ HUỆ. Muốn có TRÍ HUỆ thì phải dành thời gian để tình lặng mà TƯ DUY gọi là THIỀN QUÁN.(Vipassana).

Kinh VIÊN GIÁC có bài Kệ nói về THIỀN ĐỊNH như sau :

BIỆN ÂM ! ÔNG NÊN BIẾT
CÁC TRÍ HUỆ THANH TỊNH
CỦA TẤT CẢ BỒ TÁT
ĐỀU DO THIỀN ĐỊNH SANH

THIÊN ĐỊNH LÀ CHỈ QUÁN

VÀ CHỈ QUÁN SONG TU

Do đó, người không hiểu THIÊN ĐỊNH là CHỈ QUÁN SONG TU, mà chỉ NGỒI một đống, diệt hết tư tưởng, thì không thể nào có TRÍ HUỆ được. Đó là lý do mà Phật Đại Thông Trí Thắng "Ngồi đến mười tiểu kiếp Thân và Tâm không động mà Phật Pháp còn chẳng hiện ra trước".

Tiếp theo Kinh nói về quyền thuộc của người tu.

Việc tu hành là mỗi người tu phải tự hành trì để "Tự Độ" cho mình, không thể độ cho người khác. Vì thế, "Quyền thuộc" của người tu hành không phải là bà con dòng họ bên nội bên ngoài mà người tu xong có thể cứu độ cho Bảy đời như văn tự trong Kinh viết. mà Quyền Thuộc là để nói về những hành động hay suy nghĩ thuộc về Thân, Tâm của người tu mà thôi.

"Bảy Đời quyền thuộc" của mỗi người mà Kinh tả, là *những gì mỗi người tạo ra và sẽ đi theo họ qua đến kiếp khác*. Đó là BA Nghiệp của Thân (Tham, Sân và Si) và BỐN Nghiệp của Khẩu (*Nói láo, nói dối đôi chiều. Nói để khen mình, chê người*), cộng lại thành Bảy, mà mỗi người đã tạo trong suốt kiếp sống. Do đó, Kinh dạy là mỗi người khi tu hành xong sẽ Độ cho "Bảy Đời quyền thuộc" tức là Bảy Nghiệp do Thân, Khẩu làm ra. Còn Bà con quyền thuộc bên ngoài thì mạnh ai nấy tạo Nghiệp rồi khi hết kiếp mỗi người theo Nghiệp của mình mà đi đầu thai, đâu thể theo nhau qua kiếp khác được.

Cõi Tâm là Vô Tướng, thì ánh sáng mặt trời mặt trăng làm sao chiếu soi tới ? Đó là Kinh diễn tả Đức Đại Thông Trí Thắng đã soi thấu cái Tâm của mình. Thấy được hết những Khởi, Diệt trong đó.

Trong Cõi Tâm thì Kinh dạy là : *“Phàm Thánh đồng cư”*, tức là trong đó có những tư tưởng tốt đẹp, thanh tịnh gọi là Chư Thiên, hay Chư Bồ Tát. *“Lúc Bồ Tát Thành Phật, thì cung điện của Chư Thiên cho đến Phạm Thiên sáu diệu vang động, hào quang lớn soi cùng khắp, ánh sáng gấp bội thường ngày, các Phạm Thiên lấy làm lạ, cùng bàn bạc với nhau, sau đó mang cung điện của mình dâng cho Phật”*.

Sáu Diệu vang động là nói sự chuyển hóa của Lục Căn. Khi người tu Điều Phục Cái Tâm thì nó không còn sai Lục Căn làm quấy nữa, nên Lục Căn cũng được chuyển hóa. Trước kia, LỤC Căn chuyên mang ngoại pháp về để làm cho Phiền Não. Từ khi cái Tâm được chuyển hóa thì Lục Căn cũng thanh tịnh theo, nên gọi là Sáu Diệu chuyển động.

Cung Điện có nghĩa là những chấp nhất mọi người vẫn ôm giữ, trú ngụ, ra vô, từ xưa đến nay. “Dâng Cho Phật” có nghĩa là Xả những cái CHẤP, là những gì đã ôm giữ từ trước đến nay cho con đường Giải Thoát.

XẢ CHẤP hay bỏ đi những thói xấu cũng có nghĩa là CÚNG DƯỜNG PHẬT. Kinh viết : *“Bồ Tát đã từng Cúng Dường vô lượng trăm nghìn Chư Phật và “Độ” vô số trăm nghìn Chúng Sanh”*.

Nếu theo nghĩa văn tự là Có vô số Phật để ta Cúng Dường, mà Kinh viết là “*Phật nhập thế hiếm hoi như Hoa Ưu Đàm*” thì làm sao gặp được cả trăm nghìn Chư Phật để mà Cúng Dường ? Do đó, phải hiểu ý nghĩa của “CÚNG DƯỜNG PHẬT “ là ĐỘ SINH, là “Độ” cho “Chúng Sinh Thành Phật”.

Bồ Tát muốn Thành Phật phải “*Độ vô lượng vô số Chúng Sinh*” . Ngài Địa Tạng đã có lời nguyện “*Chừng nào còn một Chúng Sinh chưa được Độ, con thế không ngồi vào ngôi Vô Thượng Chánh Giác*”, có nghĩa là Bồ Tát phải “*Độ tận chúng sinh*”, tức là khi nào tất cả Chúng Sinh đều được thanh tịnh, thì Bồ Tát mới Thành Phật được.

Cuối Phẩm, Kinh nhắc lại về Niết Bàn mà những Vị A La Hán đã đạt được chỉ là “*hóa thành cho người lười mỗi nghĩ ngơi*” mà thôi. Sau đó sẽ dẫn đến Trí Huệ của Phật. Điều đó có nghĩa là Phật sợ những người tu hoài không thấy được gì sẽ nản lòng. Do đó, Phật tạm đặt ra một số Quả Vị để họ đối chiếu những việc mình đã làm, thấy mình đã được Quả nọ quả kia. Thấy mình có tiến bộ nên ham thích mà tiếp tục hành trì để đạt Quả Vị cao hơn. Nhưng Tu hành theo Đạo Phật là để Giải Thoát. Cuối cùng cũng KHÔNG CÒN MÌNH, thì Quả Vị đâu có giá trị thật ? Vì thế nên Phật gọi Quả Vị là Hóa Thành.

Niết Bàn của hàng Thinh Văn là do thấy Các Pháp là KHÔNG, nên các vị không dám nghĩ tới, không dám tiếp xúc với nó, núp sau cửa cửa Chùa hay lên non cao, động vắng để nó không chạm

được tới mình rồi cho là đã được an ổn, thanh tịnh, là đạt được Niết Bàn. Trái lại, Niết Bàn của Phật là sự Miễn Nhiệm với các Pháp dù vẫn nhìn thấy nó nhưng “*Thấy mà như không thấy*”, gọi là NHƯ THỊ. Vẫn tiếp xúc với Pháp, nhưng *không khởi hờn, thua, thương, ghét*, gọi là Thoát Pháp, hay “Đến, đi không động”. Thành tựu này được ví như Hoa SEN, vẫn tiếp tục sống trong bùn mà bùn không làm cho ô nhiễm được. Do đó mà Đạo Phật dùng HOA SEN làm biểu tượng.

Do đó, Niết Bàn của hàng Thanh Văn và Niết Bàn của Phật khác nhau rất xa. Vì thế, Phật dạy : “*Trong đời vị lai, nếu có Đệ Tử nào của Phật mà cho rằng mình đắc A La Hán cùng Duyên Giác mà không biết không hay việc các Đức Như Lai giáo hóa Bồ Tát, những người đó không phải là đệ tử của Phật*”. THANH VĂN thì Thấy Các Pháp là KHÔNG. Không biết Chúng Sinh là gì ? Không Độ Thoát Chúng Sinh thì làm sao thành lập Phật Quốc ? Vì thế, Phật Giáo Hóa Bồ Tát là hướng dẫn cho THANH VĂN công việc Cứu Độ Chúng Sinh, để nếu họ chấp nhận mà “Độ” xong Chúng Sinh thì sẽ Thành Phật trong tương lai vậy.

PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ (8)

Đức Phật Thọ ký cho Ông Mãn Từ Tử là một người bậc nhất trong hàng nói pháp, thường hộ trì Chánh Pháp của Phật, có thể chỉ dạy lợi ích trong tứ chúng, giải thích trọn vẹn Chánh Pháp của Phật. Ông cũng ở PHÁP KHÔNG của Chư Phật thông suốt,

rành rẽ, được bốn món vô ngại, thường hay suy gẫm chắc chắn, nói pháp thanh tịnh, không có nghi lầm, đầy đủ thần thông của Bồ Tát. Ông dùng phương tiện đó làm lợi ích, giáo hóa vô lượng trăm nghìn Chúng Sinh. Ông vì muốn Tịnh cõi nước Phật mà làm Phật sự giáo hóa chúng sanh, lần lần đầy đủ Đạo Bồ Tát.

Qua vô lượng kiếp về sau ông sẽ thành Phật. “*Đức Phật đó lấy số thế giới Tam Thiên nhiều như số cát sông Hằng mà làm thành Cõi Phật. Đất bằng Bảy thứ báu, Nhà cũng bằng bảy thứ báu. Không có đường dữ cũng không có người nữ. Tất cả chúng sanh đều do biến hóa sanh, không có dâm dục, đặng pháp thần thông lớn, thân chói sáng, bay đi tự tại, chí niệm bền vững, có đức tinh tấn trí huệ, thân sắc vàng đầy đủ 32 tướng tốt trang nghiêm. Nhân dân trong nước Phật chỉ dùng hai món là Pháp Hỷ thực và Thiền Duyệt thực. Có vô lượng muôn ức các Bồ tát hay khéo giáo hóa Chúng sanh. Chúng Thanh Văn nhiều vô kể, đầy đủ Tam Minh, Lục Thông và Tám Món Giải Thoát”.*

Kinh DUY MA CẬT viết : “*Bồ Tát muốn được cõi Phật thanh tịnh nên làm cho Tâm thanh tịnh. Tùy chỗ Tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh”*, chứng tỏ là CÕI PHẬT mà Kinh tả là ở nơi TÂM của người tu, không phải ở trên trời cao hay phương Đông, phương Tây nào khác. Trong Cõi TÂM khi chưa tu hành thì thì có ba món THAM, SÂN và SI, mà Phật gọi là BA ĐỘC. Ba Độc này từng sát na sinh khởi ra Chúng Sinh nhiều như cả một thế giới. Có Ba thứ, nên Phật gọi là TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI. Người

tu phải Cứu Độ cho tất cả Chúng Sinh trong Tam Thiên Đại Thiên Thế giới đó, nên Kinh viết là “Đức Phật đó lấy số thế giới Tam Thiên nhiều như số cát Sông Hằng làm thành Cõi Phật”.

Cõi Phật được hình thành bằng những Chúng Sinh đã “Được Độ” nhiều như số cát Sông Hằng. Đất, Nhà cùng làm bằng Bảy thứ Báu tức là nói về công việc tu hành THÍ XẢ BẢY NGHIỆP của người tu. Phật dùng những Công Đức đã Xả đó làm nền móng xây dựng Cõi Phật. Vì Chúng sinh là những ý nghĩ, nên gọi là do biến hóa sanh. “Không có đường dữ cũng không có người nữ”, là vì đã được Giải Thoát. Không phải Đức Phật trọng Nam, khinh nữ vì cho rằng đa phần phụ nữ không có ý chí mạnh, thiếu quyết tâm nên khó thể tu hành thành công.

Trong Cõi Phật thì tất cả Chúng Sinh đã được giáo hóa nên trong đó có vô số Bồ Tát và Thanh Văn. Tất cả đã được Giải Thoát, tức đã Thành Phật, nên họ đều có Thân sắc vàng của Phật.

Đức Phật cũng Thọ Ký cho 1.200 vị A La Hán sẽ được Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau đó Phật Thọ Ký cho 500 vị A La Hán cũng đều sẽ thành Phật.

Khi được Thọ Ký, các Vị Thinh Văn ăn năn lỗi của mình, cho rằng trước kia các Ngài tưởng rằng đã rất ráo diệt độ, không biết là phải có Trí Huệ của Như Lai. Các Ngài dùng thí dụ tự ví như người đến nhà bạn thân rồi say rượu nằm đó. Người bạn có việc phải đi nên lấy châu báu cột vô áo của gã say rồi đi. Gã đó tỉnh dậy không biết mình có châu báu trong túi nên lang thang

làm việc khổ nhọc để kiếm sống qua ngày. Khi gặp lại người bạn mới nói cho biết tại sao không lấy châu báu đổi đồ cần dùng, không phải kiếm ăn khổ sở nữa.

Lúc Phật Thọ Ký thì các Vị mới biết là Niết Bàn mà mình tưởng là đã được diệt độ là chưa phải, được Phật Huệ vô thượng mới là thiệt diệt độ.

PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ (9)

PHẬT Thọ Ký cho ngài A Nan và La Hầu La Cùng với bậc hữu học và vô học 2.000 người. Những vị đó sẽ “*Cúng Dường các Đức Như Lai như số vi trần trong 50 thế giới, kính trọng hộ trì pháp tạng. Rồi sau đồng thành Phật hiệu Bửu Tướng Như Lai Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiên Thệ, Thế gian giải. Điều ngự Trượng phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn*”.

Lúc đó trong hội, hàng Bồ Tát mới Phát Tâm không hiểu nhân duyên gì mà hàng Thanh Văn được Thọ Ký ? thì Phật giải thích : Trước kia, Phật và Ngài A Nan học chung. Phật thì siêng năng tinh tấn, còn Ngài A Nan thường học rộng, nghe nhiều nên Phật thành Vô Thượng Chánh Giác còn A Nan hộ trì Pháp của Phật. Bản nguyện của Ngài A Nan là như thế.

Bậc hữu học và vô học được viết trong Kinh, không phải là để nói về những người trí thức hay ít học của thế gian, mà theo giải thích thì ba Quả Vị dưới bậc A La Hán thì cho là Hữu Học, vì còn phải học. Bậc A La Hán thì không còn phải học nữa.

Tuy nhiên, theo tôi đọc nhiều Kinh, thì thấy rằng : A La Hán mới học tới cái KHÔNG của Các Pháp, tức là dù Các Pháp hiện đang CÓ. Dù nhỏ nhất như cây cỏ. Nhẹ như mây, hay kiên cố như núi, bao la như biển... thì tất cả cũng chỉ Trụ ở đó một thời gian dài hay ngắn, nhưng cuối cùng có ngày nào đó cũng sẽ trở về KHÔNG. Đó là cách mà PHẬT muốn tháo gỡ cho những người đang mê đắm với các Pháp CÓ, là Danh, Lợi, Tình, vật chất.. của trần gian. Do mê đắm nên không dứt ra được, rồi vì đó mà Tạo Nghiệp để rồi khi chết không đem theo của cải, danh vọng, tiền bạc đã tích góp theo được mà chỉ mang theo Nghiệp Quả đã làm. Vì vậy, người Quán Sát để rõ về CÁC PHÁP thì sẽ bớt hoặc dứt được sự mê đắm với nó.

Khi đã có mặt ở trần gian thì mọi người vẫn phải tiếp tục sống với các Pháp hiện đang TẠM CÓ. Phải đối đầu, nhưng vẫn cần các Pháp, vì chính Các Pháp phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của con người. Mọi người vẫn phải có thực phẩm, có y phục, có nhà cửa, phương tiện, không thể nào tách rời. Vì thế, người tu vẫn phải làm việc để nuôi thân, để lo cho gia đình, để xây dựng cuộc đời. Do đó mà cần HỌC hỏi về Các Pháp, học cách Hóa Giải nó, để nó không còn tiếp tục làm Khổ mình. Phương tiện để Giải Thoát khỏi các nỗi Khổ Đạo Phật gọi là THÂN GIỚI, TÂM HUỆ và Hành các Pháp mà Đức Thích Ca đã hướng dẫn thì dần dà mới thành công.

Vì suốt cuộc sống vẫn phải cùng đi chung với Các Pháp, nên Phật đặt ra bờ ngăn, tức là GIỚI, để không cho Các Pháp xâm phạm, để mọi người có thể làm những việc cần làm để phục vụ cho cuộc sống mà không vi phạm đạo đức và luật công bằng. TU PHẬT quan trọng là SỬA CÁI TÂM. Vì chính Cái Tâm là CHỦ CÁI THÂN. Khống chế được CHỦ thì nó không còn sai đầy tớ là LỤC CĂN tác oai tác quái nữa. Không phải né tránh, giao mọi việc cho người khác làm để mình rảnh rang, nhàn thân mà tu hành rồi tự cho là mình thanh tịnh, thoát phàm như cách của hàng THANH VẤN! . Do vậy, người tu được dạy phải học cho kỹ về THÂN, TÂM, PHÁP để biết dùng Các Pháp cho đúng để không những nó không còn làm Khổ mình, mà còn được lợi lạc.

Việc tu hành như một người hàng ngày phải làm ăn trên sông nước. Do đó, một mặt họ dùng ghe, thuyền, tàu, mặt khác phải tập bơi để có thể nổi trên nước khi cần. Việc tu học không phải học Pháp để rồi sợ nó, dọn lên bờ tránh nước. Trái lại, người tu vẫn tiếp tục cuộc sống ở trần gian cho đến hết kiếp. Chính vì vậy mà phải hành HẠNH BỒ TÁT. Độ Sinh, để có thể Nổi trên biển Phiền não, biển Sanh Tử, gọi là Giải Thoát.

Phật nhắc lại việc tu hành của Ngài A Nan, mục đích là để nhắc nhở cho người tu về sự khác biệt giữa TU và HỌC. Người chịu TU SỬA thì mới thành công, còn người Học nhiều chỉ là người thuộc bài. Nói lời Kinh vanh vách chỉ để được tiếng khen là đa văn mà thôi. Kinh ví những người đó như người “Nói Ăn”

nhưng vì không thật sự ăn, nên không no. Còn những vị chịu Tu Sửa thân, Tâm thì như người giặt y, càng ra sức giặt tẩy nhiều chừng nào thì chiếc y càng mau sạch chừng đó.

Phật cũng Thọ Ký cho La Hầu La sau này sẽ Thành Phật. Lúc bấy giờ Thế Tôn thấy bậc hữu học và vô học hai nghìn người, Phật cũng Thọ Ký luôn cho họ, nên tất cả rất vui mừng.

Trong toàn bộ các Phẩm trong Kinh ta đều thấy Kinh viết, Vị nào muốn Thành Phật cũng phải : *“Cúng Dường vô số Đức Như Lai như số vi trần trong năm mươi thế giới”*. tức là phải *“Độ”* vô lượng vô số Chúng Sinh trong Ngũ Uẩn cho tất cả đều được Giải Thoát.

Phẩm này Phật Thọ Ký cho Ngài A Nan là em họ của Phật, và La Hầu La là con trai duy nhất của Phật. Ngài A Nan thì phải *“Cúng dường sáu mươi hai ức Đức Phật”*. La Hầu La thì phải *“Cúng dường các Đức Như Lai như số vi trần trong mười thế giới”* cho ta thấy : Dù là em, là con của Phật thì cũng phải TỰ TU, TỰ ĐỘ, phải CỨU ĐỘ CHÚNG SINH thì mới thành tựu.

Ngay cả người thân của Phật mà Phật còn không có Độ cho họ được. Vậy thì ta nghĩ sao mà cầu xin Phật Độ cho ta ? Chính Phật cũng phải tu hành. Và tu hành, *Thành Phật chỉ là thành tựu công việc Giải Thoát cho bản thân hết Khổ, đâu phải thành Thần Linh*, thì làm gì có quyền năng mà ban ân, giáng phúc cho ai ? Do đó, những người không theo Chánh Pháp để tu hành Tự Độ, mà động chuyện là Cầu Xin Phật, Bồ Tát, cần xem lại cái hiểu Giáo

Pháp của Đạo Phật cho đúng, để đừng tiếp tục hiểu lầm rằng Phật, Bồ Tát, là những vị Thần Linh để khi hữu sự thì cầu xin được phù hộ, độ trì, cứu khổ cứu nạn cho mình nữa. Những lối hiểu đó là do những Tà Sư giảng dạy, không phải của Chân Thiện Tri Thức, là những vị đã chứng đắc, có nhiệm vụ rao giảng Phật Pháp truyền đạt.

PHẨM PHÁP SƯ (10)

Đầu Phẩm, Phật dạy tất cả những hạng Chư Thiên, Long vương, Da Xoa, Càn thất bà, A Tu La, nhân và phi nhân. Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu bà Tắc, Ưu Bà Di, hạng cầu Thanh Văn, Bích Chi, cầu Phật Đạo. Tất cả các loại như thế nếu nghe Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA nhẫn đến một niệm tùy hỷ Phật đều Thọ Ký cho sẽ đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

“ Sau khi Phật diệt độ, nếu có người Thọ trì đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA nhẫn đến một bài Kệ, đối kinh này cung kính xem như Phật rồi cúng dường, cung kính, thì những người đó đã từng cúng dường mười muôn ức Đức Phật, đã từng thành tựu chí nguyện lớn, vì thương xót chúng sanh mà sanh vào nơnh gian”.

“ Những người đó ở đời vị lai sẽ đặng làm Phật, bởi vì trong số Kinh điển của Phật đã nói, hiện nói, sẽ nói thì Kinh PHÁP HOA rất là khó tin, khó hiểu. Kinh này là tạng bí mật của các Đức Phật, được các Đức Phật giữ gìn, không thể tùy tiện bày nói. Vì thế, sau khi Phật diệt độ, nếu người nào có thể biên chép thọ trì

đọc tụng vì người khác mà nói thời được Đức Như Lai lấy y trùm, cho, được các Phật khác hộ niệm cho. Người đó có sức tin lớn và sức chí nguyện, các sức căn lành. Phải biết người đó “cùng như Lai ở chung, được Đức Như Lai lấy tay xoa đầu”.

Nếu người tại gia cùng Xuất gia làm Đạo Bồ Tát mà chưa thấy, nghe, đọc tụng biên chép Kinh này là chưa khéo tu Đạo Bồ tát, còn cách Đạo Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rất xa”.

Phẩm này dạy cách NÓI Kinh PHÁP HOA

Nhiều người cứ tưởng rằng cứ học thuộc một số phẩm, phân tích cho kỹ, rồi mang ra giảng cho người khác thì gọi là giảng kinh. Trong phẩm này, Phật dạy người muốn Nói Kinh phải đầy đủ các yếu tố : Phải Vào Nhà Như Lai, Mặc Y như Lai, Ngồi Tòa Như Lai rồi mới vì các Bồ Tát và Bốn chúng mà nói Kinh. *Người chưa đọc, tụng, biên chép Kinh này thì chưa đầy đủ Đạo Bồ Tát, còn cách Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rất xa.*

NHÀ NHƯ LAI chính là Tâm Từ Bi lớn đối với tất cả chúng sanh.

Y NHƯ LAI là lòng nhu hòa, nhẫn nhục.

TÒA NHƯ LAI là nhứt thiết PHÁP KHÔNG

An trụ trong đây rồi dùng tâm không biếng trễ vì các Bồ Tát và Bốn chúng rộng nói Kinh PHÁP HOA này.

Theo những phần trước thì ta thấy : Dù Thịnh Văn là những người đã chứng đặng 5 Phần PHÁP THÂN là GIỚI, ĐỊNH HUỆ, GIẢI

THOÁT và GIẢI THOÁT TRI KIẾN, nhưng vẫn phải học Đạo Bồ Tát, tức là phải làm công việc ĐỘ SINH thì mới gần Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và các vị Thanh Văn được Phật Thọ Ký đều phải “*Cúng dường vô số ức Đức Phật*” thì tương lai mới được thành Đạo, mà “*Cúng Dường Phật*” tức là ĐỘ SINH.

Trong Kinh Phật không hề phân biệt Tại Gia hay Xuất Gia. Chỉ nói rằng Người làm Hạnh “Độ Sinh” thì đó là những Bồ Tát. Nhưng người hành Đạo Bồ Tát mà không đọc Kinh PHÁP HOA là còn cách Đạo Vô Thượng Bồ Đề rất xa. Khi Độ hết những Chúng Sinh, đã lo xong phần mình, thì mới có thể thuyết pháp để độ cho người khác. Muốn Thuyết Pháp lại phải đầy đủ những yếu tố như liệt kê trên. Như vậy thì người thuyết pháp đã là Như Lai rồi. Đó là nghĩa của “*Cùng như Lai ở chung, được Đức Như Lai xoa đầu*”.

Nghe danh hiệu PHẬT NHƯ LAI, mọi người do bị những kẻ hiểu chưa đúng về Đạo Phật tuyên truyền, như chúng ta thấy trong Phim Tây Du Ký chẳng hạn, nên cứ tưởng rằng PHẬT TỔ NHƯ LAI là Vị Thần Linh cao cả, có quyền năng để cứu khổ ban vui, cứu độ hay thưởng, phạt cho bá tánh ! Vì thế họ đúc, tạc tượng để thờ rồi cầu xin. Trong khi đó, với Chánh Pháp thì NHƯ LAI là để nói về người đã được GIẢI THOÁT, không còn bị Các Pháp là Khổ nữa. Người đó cũng tiếp xúc với Các Pháp, nhưng không bị vướng mắc với nó, không còn Khởi Tham, Sân Si, Thương, ghét.. gọi là NHƯ LAI, vì Pháp đến, Pháp đi mà không khởi tâm nên gọi là “đến, đi, không động”.

Kinh VIÊN GIÁC có kệ :
NẾU NGƯỜI ĐOẠN THƯƠNG, GHÉT
CÙNG VỚI THAM, SÂN, SI
CHẲNG CẦN TU GÌ KHÁC
CŨNG ĐỀU ĐẶNG THÀNH PHẬT.

Có hiểu được Mục đích của Đạo Phật thì mới hiểu được các phương tiện và những danh xưng mà Chư vị Giác Ngộ đã dùng. Đạo PHẬT là Đạo để ĐỘ KHỔ. Theo Đức Thích Ca, Khổ không phải chỉ do bên ngoài đưa tới, mà do cái VỌNG TÂM của mỗi người tự có sẵn rồi kết hợp với Các Pháp. Đó những tư tưởng thiên hướng xấu, Ác thường sinh khởi ở trong Tâm của mỗi người. Nếu ai theo đó mà hành động thì gọi là Gây Nghiệp. Đã gây Nghiệp xấu thì không những hiện tại đã Khổ, mà hậu quả là sau khi hết kiếp thì sẽ theo Luật Nhân Quả mà đầu thai vào Sáu Đường, tùy theo Nghiệp nặng hay nhẹ. Nếu Nghiệp nặng phải rơi vào Ba Đường Dưới (Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh), thì cơ hội được trở lại làm người để tu hành rất mong manh.

Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN viết : *“Số người sau khi chết rồi được trở lại làm người cũng chỉ như chút đất dính trên đầu móng tay, so với đất trên trái đất”*. Phật cũng dạy “Nhân thân nan đắc”. Có được cái Thân người rất khó. Vì thế, hiện tại, chúng ta đã may mắn có được thân người, lại duyên may gặp được Chánh Pháp thì nên tu hành ngay trong hiện kiếp để không phí uổng, vì Kinh

viết : “*một khi đã được Giải Thoát rồi thì như vàng đã lọc ra khỏi quặng, không bao giờ trở lại thành quặng nữa*”.

Tu hành cũng không phải làm điều gì lớn lao, khó khăn không thể làm nổi, chỉ là làm công việc giáo hóa cho những tư tưởng nhiễm những tính chất xấu Phật gọi là Chúng Sinh. “Cứu độ” hay “chuyển hóa” cho Chúng nó bỏ đi những cái Xấu, cái Ác để được thanh tịnh, gọi là thành Phật. Chuyển Vọng Tâm về Chân Tâm. Chuyển Mê thành Ngộ. Chuyển Phiền Não trở thành thanh tịnh, an lạc.. Mỗi lần “Độ” hay “Chuyển hóa” một tư tưởng xấu, cho nó bỏ đi cái xấu, trở thành thanh tịnh, thì Kinh gọi là “CÚNG DƯỜNG MỘT VỊ PHẬT” hay “ĐỘ ĐƯỢC CHO MỘT CHÚNG SINH THÀNH PHẬT”, cho đến cuối cùng thì Người Độ sẽ Thành Phật.

Do MẮT THẤY, TÂM SINH nên con người phải KHỔ. Vì vậy, muốn được Giải Thoát thì phải hiểu về THÂN, TÂM về CÁC PHÁP.

Theo những nhà nghiên cứu về tư tưởng của Nước Úc, thì mỗi ngày, mỗi người chúng ta sinh khởi đến 50.000 tư tưởng. Trong đó xấu nhiều hơn tốt. Vì thế, trong kiếp sống, mỗi người sẽ “CÚNG DƯỜNG VÔ SỐ ỨC ĐỨC PHẬT”, hay “CỨU ĐỘ VÔ LƯỢNG VÔ SỐ CHÚNG SINH”. Cũng do Tu Phật là phải nhìn vào trong Tâm của mình để Cứu Độ cho những Chúng Sinh của chính mình, nên Tu Phật gọi là TU TÂM.

Khi CHÚNG SINH trong Tâm đã được độ thoát hết thì Tâm sẽ trở nên thanh tịnh thì gọi là thành tựu Phật Quốc của mình,

không cần phải vọng về Tây Phương hay Đông Phương của Phật nào khác.

PHẨM HIỆN BỬU THÁP (11)

Phẩm này nói về PHẬT TÁN H.

Lúc bấy giờ, trước Phật có Tháp bằng Bảy Báu, cao năm trăm do tuần, ngang rộng hai trăm năm mươi do tuần, từ dưới đất nổi lên trụ ở giữa hư không, trang hoàng bằng những châu báu, trời, rồng, người đều mang hoa chuỗi ngọc đến cúng dường, ngợi khen.

Trong Thấu báu vang lên tiếng khen “Đức Thích ca Mâu Ni có thể vì đại chúng mà nói Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA”. Lúc đó có vị Đại Nhạo Thuyết bạch hỏi Phật nhân duyên gì mà có tháp này từ đất nổi lên, lại trong tháp có tiếng vang ra như thế ?

Phật bảo : *Trong Tháp này có toàn thân Như Lai cách đây vô số kiếp quá khứ, có Phật tên Đa Bảo có lời phát nguyện, nếu Ngài được Thành Phật thì chỗ nào có nói Kinh PHÁP HOA thì tháp miếu ngài sẽ nổi lên để nghe kinh.* Ngài Đại Nhạo Thuyết lại bạch Phật, là Phật Đa Bảo lúc đó có nguyện “*Nếu lúc Tháp Báu của ngài vì nghe Kinh Pháp Hoa mà hiện ra, nếu có Phật nào muốn đem thân ta chỉ bày cho bốn chúng thời Phật của Phật đó phân thân trong mười phương đều phải nhóm lại một chỗ*” nên chúng con muốn thấy các Phật của Thế Tôn phân thân để lễ bái, cúng dường.

THÁP BÁU chính là PHẬT TÁNH. Cái PHẬT TÁNH từ khởi thủy mỗi người vẫn có, dù đi đến cõi nào thì nó vẫn không mất. Đó là ý nghĩa câu "*Trong Tháp có toàn thân như Lai từ cách đây vô số kiếp quá khứ*". Nhưng vì trôi lăn từ vô lượng kiếp, nên bị đá, đất, bùn của Phiền Não che lấp, nên không Thấy được. *Từ dưới đất nổi lên* tức là từ Đất Tâm của người tu mà xuất hiện. Khi người tu hành làm đầy đủ Công Đức thì sẽ Thấy được Phật Tánh. Kinh VIÊN GIÁC có Kệ :

PHẬT TÁNH TUY SẴN CÓ

PHẢI TU MỚI HIỂN HIỆN

CŨNG NHƯ VÀNG SẴN CÓ

PHẢI LỌC QUẶNG MỚI THÀNH.

Công việc gọi là tu hành, là lọc quặng, hay tách Phiền Não, Tham, Sân Si ra, để cho PHẬT TÁNH được lộ ra.

Lúc đó Phật *phóng ánh sáng nơi lông trắng giữa chân mày* gọi là Tướng Bạch Hào, tượng trưng cho TRÍ HUỆ. Khi Trí Huệ soi sáng thì các cõi nước đều hiện ra thanh tịnh. Đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm.. các Đức Phật đều đem một vị Bồ tát lớn làm thị giả. Đức Thích Ca Mâu Ni thấy *các vị Phật của mình phân thân* đều ngồi trên tòa sư tử. Các Phật đều muốn đồng mở Tháp báu. Khi Đức Phật mở Tháp Báu thì tất cả hội chúng đều thấy Đức Đa Bửu Như Lai trong tháp. Lúc đó Đức Đa Bửu Như Lai chia nửa tòa cho Đức Thích Ca. và Ngài tuyên bố muốn đem Kinh PHÁP HOA để phó chúc.

“Các Vị Phật mà Đức Thích Ca đã phân thân” tức là các Chúng Sanh từ lúc bắt đầu tu hành đã được Phật độ thoát. Tất cả đều thành Phật, nên đều ngồi trên Tòa Sư Tử. Phật trước hay Phật sau cùng đồng một “Tánh Giải Thoát” và cùng trong Cái Tâm của Phật, nên tất cả đều do Bồ Tát của Phật cứu độ vậy.

PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA (12)

Trong nhiều tích Phật có kể về một người tên ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA. Người này chuyên làm hại Phật. Người này vốn là em họ của Phật. Ban đầu khi đi tu thì cũng rất tinh tấn nên đắc được một số Pháp. Vì thế ông cho rằng mình không kém gì Phật, muốn lãnh đạo Tăng Chúng, nên sinh lòng đố kỵ, năm ba phen hại Phật. Lần cuối ông ta định mang độc tới hại Phật. nhưng không hại được và cuối cùng chết và bị đọa.

Riêng trong Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA thì kể về Đề Bà Đạt Đa như là thầy của Phật.

Kinh viết : “Một thuở nọ, Phật là vua của một nước, rất mến mộ Kinh PHÁP HOA nên cho đánh trống rao cho cả nước biết rằng: “Nếu ai có thể vì Vua nói Pháp Đại Thừa thì vua sẽ trọn đời hầu hạ”. Lúc đó có một tiên nhân đến thưa với Vua rằng ông ta có Kinh ĐẠI THỪA tên là DIỆU PHÁP LIÊN HOA. Vua nghe vậy rất vui mừng, đi theo hầu hạ tiên nhân trải qua cả ngàn năm. Nhờ hầu hạ tiên nhân nên được dạy cho đầy đủ Lục Độ Ba La Mật, Từ Bi Hỷ Xả, 32 Tướng tốt và những Pháp khác, thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật còn bảo : *“Vô lượng kiếp về sau ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA sẽ thành Phật đầy đủ các hiệu. Nếu đời vị lai ai nghe Kinh Pháp Hoa, Phẩm ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA mà sinh lòng trong sạch không nghi thì không bị đọa vào ba đường ác lại được sanh cõi Nhân Thiên”.*

Phẩm này trước hết nói về hạnh NHẪN NHỤC, là Một trong LỤC ĐỘ mà người tu Phật phải hành, gồm : BỐ THÍ, TRÌ GIỚI, NHẪN NHỤC, TINH TẤN, THIỀN ĐỊNH. Trong Sáu Độ thì Độ NHẪN NHỤC khó hành nhất. Vì vậy, người càng bị người khác hành hạ, khinh chê, miệt thị, nói xấu, làm hại, v.v.. mà nhịn được, không phản ứng, thì chứng tỏ người đó đã mài mòn Cái Chấp Ta. Do đó, tuy ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA chuyên tranh giành, muốn hại Phật, nhưng Phật lại không giận hờn, mà thấy đó là người thầy, vì tạo điều kiện cho mình mau Xả cái Ngã. Vì thế, Phật mau chóng Giải Thoát.

Sở dĩ Bồ Tát phải tu Hạnh NHẪN NHỤC là để mau Xả cái CHẤP THÂN. Khi chưa tu hành thì ai cũng thấy CÁI THÂN LÀ MÌNH, do đó mọi người luôn tìm cách cung cấp cho nó mọi đòi hỏi, nên vì đó mà tạo Nghiệp. Tu hành là phải XẢ, không còn cho Cái Thân là MÌNH hay TA, để chạy theo cung phụng cho những nhu cầu của nó nữa. Do đó, người tu mà bị người khác khinh chê hay tìm cách hại, là dịp thử thách để xem họ còn bám lấy cái Thân hay không ? Nói Thân không phải là Ta mà động đến là Sân Si, mà Tham lam, cố tìm mọi thứ cho nó hưởng thụ thì sao gọi là tu hành ? Vì thế, Phật không trách ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA mà còn cho đó

là Thầy, thử thách đường tu cho mình. Phật còn dạy, về sau, nếu ai tu hành mà cũng thấy những kẻ gieo tiếng oán cho mình là Thầy để không sinh lòng oán thù như Phật thì mới thành công.

Phẩm này còn dùng thí dụ một người tu hành theo Kinh PHÁP HOA mà mau thành Phật. Đó là con gái của vua RỒNG TA KIỆT LA, mới có 8 tuổi mà *“căn tánh lanh lẹ, có trí huệ, khéo biết căn tánh hành nghiệp của Chúng sanh, đặng pháp Tổng Trì, các Pháp tạng của Phật nói đều có thể thọ trì, sâu vào Thiên Định, rõ thấu các Pháp. Trong sát na phát Tâm Bồ Đề đặng bậc Bất Thoái Chuyển, biện tài vô ngại, thương chúng sanh như con, công đức đầy đủ, lòng nghĩ, miệng nói pháp nhiệm mầu rộng lớn, từ bi như đức, ý chí hòa nhã. Nàng ấy có thể đến Bồ Đề”*.

Trí Tích Bồ Tát bạch Phật rằng : *Đức Thích Ca Như Lai tu những hạnh khổ khó làm, chứa nhiều công đức, không chỗ nào mà không phải là nơi mà Bồ Tát bỏ thân mạng vì lợi ích chúng sanh mới thành Phật, nên không tin Long Nữ trong giây lát chứng được bậc Chánh Giác.*

Vừa nói xong bỗng con gái của Long Vương hiện ra, lễ kính Phật và nói rằng *“chỉ Phật mới biết ta nói Pháp Đại Thừa độ thoát chúng sanh”*.

Xá Lợi Phất hỏi rằng *“Thân gái như ướm làm sao có thể đặng Vô Thượng Chánh Giác vì Đạo Phật phải qua vô lượng kiếp cần khổ, chứa nhóm công hạnh, tu đủ các độ mới thành ?”*

Long nữ có một VIÊN CHÂU, có giá trị bằng cõi Tam Thiên Đại Thiên đem dâng lên Đức Phật. Phật liền nhận. Cô gái hỏi việc cô hiến châu báu rồi Thế Tôn nhận có nhanh không ? Hãy xem cô thành Phật còn nhanh hơn. Vừa xong, cả chúng hội đều thấy cô biến thành Nam tử, đủ hạnh Bồ Tát, ngồi tòa Sen báu, đủ 32 Tướng, vì chúng sinh trong mười phương giảng nói pháp nhiệm mầu làm cho mọi người sanh lòng vui mừng. Vô số người nghe pháp tỏ ngộ bậc bất thối chuyển. Vô lượng người được Thọ Ký thành Phật.

Người đọc Kinh mà Y NGỮ sẽ thấy BỐ THÍ, CÚNG DƯỜNG CHO PHẬT như Long Nữ trong Phẩm này viết rất dễ gây hiểu lầm, vì cho là cứ hiến tài sản cho Phật thì khỏi phải tu hành mà lại mau thành Phật !

Nhưng chúng ta thử nghĩ : Một cô gái chỉ mới Tám Tuổi thì không thể nào “ *có trí huệ, khéo biết căn tánh lợi độn của chúng sinh, lại được Pháp Tổng Trì và các tạng pháp của Phật*”. Vì vậy, có thể Tuổi đó là tính theo TUỔI ĐẠO, tức là tính từ thời gian nàng ta bắt đầu vào tu học.

Bởi vì kinh viết : Nàng đã “ *Sâu vào Thiền Định, rõ thấu các Pháp, đã đặng bất thối chuyển, cứu độ chúng sanh, từ bi, khiêm nhường, ý chí hòa nhã*”. Người làm được những việc như vậy là phải có thời gian dài tu hành, đâu thể chỉ vài ngày hay vài tháng mà có được ? Quan trọng hơn cả là nàng HIẾN VIÊN CHÂU CÓ GIÁ TRỊ BẰNG CÕI TAM THIÊN ĐẠI THIÊN CHO PHẬT.

Chúng ta nên hiểu cho đúng ý Kinh. Không phải là Long Nữ có kim cương hay viên châu báu nào giá trị cao để hiến cho Phật, mà việc này có ý nghĩa là nàng XẢ CÁI VỌNG TÂM, tức là Cái TÂM MÊ LẦM chứa đầy THAM, SÂN, SI tượng trưng cho Ba Cõi. Ba Cõi này thường xuyên sinh sản chúng sinh nhiều không đếm hết nên Kinh hay gọi là Tam Thiên Đại thiên Thế Giới. Xả hết Tham Sân Si là sẽ được Giải Thoát, là ý nghĩa của *“Phật nhận và nàng lập tức thành Phật”*. Dù thật sự đó là viên châu báu có giá trị mà Long Nữ muốn hiến cho Phật, nhưng Phật đã diệt độ hàng bao nhiêu trăm năm rồi. Làm sao gặp Phật để Hiến ? Phật đâu có ở đó để nhận để nàng Thành Phật ?

Kinh nhắc lại là *“Thân gái như uest không thể thành Phật được”*, không phải là Đạo Phật coi thường người nữ. Kinh Đại BÁT NIẾT BÀN giải thích rằng : Những người KHÔNG THẤY TÁN H là những người dù mang thân Nam, nhưng chính là nữ !

Thân Nam hay Thân nữ cũng đều bằng Tứ Đại giả hợp, lúc nào đó cũng sẽ hư hoại nào khác gì nhau ? Nếu không có người Nữ làm sao sinh sản để nối giòng Chánh Pháp, vì Chư Phật Ba Đời không nhằm chán xác thân ? Ngày nào thế giới còn con người thì ngày đó Chư Phật, Chư Bồ Tát cũng sẽ theo dõi để cứu độ. Không có người nữ thì Bồ Tát muốn thọ sinh trong Cõi Nhân để cứu độ thì vào bằng đường nào ? Cái khác nhau giữa Nam và nữ là người nữ được cho là Nghiệp nặng, phải mang nặng, để đau

mà thôi. Thực tế cho thấy : Nhiều người nữ ý chí còn vượt bậc hơn cả nam.

Hơn nữa, việc tu Phật điều quan trọng là TRÍ HUỆ, là những việc liên quan đến bộ óc, đâu có phải khiêng vác vật nặng mà đòi hỏi vai u, thịt bắp của nam giới ? Đã vậy, luật của những người Tu Tướng còn bắt Nữ Tu Sĩ phải giữ đến 350 Giới, nhiều hơn của Nam đến 100 Giới là bất công ! Người ra những điều luật đó chứng tỏ thiếu bình đẳng, và thiếu hiểu biết về con đường tu Phật. Thật ra việc tu hành không đòi hỏi phải giữ đến 250 Giới để quay đầu cũng đụng Giới rồi trở thành nô lệ cho GIỚI thì còn làm sao mà tu hành ?

Giới của Đạo Phật đưa ra, mục đích là để giữ sự công bình. *“Mình không muốn người khác xâm phạm của mình thì cũng đừng xâm phạm của người khác”*. Thế thôi. Lục Tổ Huệ Năng có Kệ : *“Lòng bình đẳng đâu cần giữ Giới”*. Mục đích Phật bắt giữ GIỚI, là vì nhiều người quen thói buông lung, khi vào tu Phật sợ họ vẫn còn giữ thói quen cũ, nên bắt Giữ một số Giới để buộc họ phải vào khuôn khổ mà thôi.

Với người lương thiện thì việc Giữ GIỚI không có gì là khó khăn, bởi một lẽ đơn giản :

- Ta cũng ham sống, sợ chết thì cứ gì phải đoạt sự sống của con vật (SÁT SINH) để có món ăn cho ngon ? Nó cũng có trống, mái, cái, đực, sinh con, để cái chứng tỏ nó cũng có tình yêu thương, không muốn ai bắt phải chia lìa.

- Của mình thì mình không muốn bị ai chiếm đoạt, tại sao lại muốn dùng thủ đoạn để chiếm đoạt của người khác ? (ĐẠO).
- Tham Lam không biết đủ, không riêng gì DÂM dục.
- Không nói lời chân thật, chuyện có nói không, chuyện không nói có thì ai nể trọng ? (VỌNG NGŨ)
- Say sưa làm mờ lý trí, mất nhân cách (TỬU). Còn trường hợp gặp bạn bè mà uống vài lon bia để vui vẻ với nhau, không đưa tới say sưa mất lý trí rồi gây gổ, đánh nhau thì có gì mà cấm cản ?

Vì vậy, người hiểu nguyên nhân việc đặt ra GIỚI và sống chân chính thì tự họ vẫn Có GIỚI, nhưng không hề thấy bị gò bó, bắt buộc, phải sợ, phải né, vì thấy đó là quy luật tự nhiên của cuộc sống mà những người lương thiện cư xử với nhau. Do đó, họ không cần Thọ Giới và vẫn đầy đủ Giới vậy.

Rồi có người lỡ PHẠM GIỚI thì lại đi vô chùa SÁM HỐI với Phật ! Điều đó lại càng phi lý. Ta Phạm Giới thì ta là người chịu trách nhiệm, chịu Nhân Quả của việc sai phạm đó. Đó là ta làm tổn thương Phật của bản thân, phải Trả Quả cho những việc sai phạm đó. Phật ngoài đâu có bị thương tổn, đâu có bị thiệt hại mà ta phải Sám Hối với Phật ngoài ? Phật ngoài cũng đâu có quyền tha lỗi hay bắt lỗi ta ?

Nhiều người tu mà tâm địa còn tham lam, muốn bá tánh cúng dường cho mình thật nhiều của cải. Đọc Kinh rồi thấy Long Nữ chỉ cần Cúng cho Phật Viên Châu là lập tức thành Phật nên dùng đó giảng cho nhiều, khai thác Phật Tử để hưởng lợi. Nhiều Phật Tử khác thì thấy tu hành cực khổ, khó khăn mà không biết kết quả ra sao, thà hiến tài sản, của cải mà Thành Phật nhanh hơn, nên họ không tiếc hiến đất, hiến nhà hay tài sản có giá trị cho Chùa, nghĩ đó là Cúng dường cho Phật !

Đừng quên là Phật là “VÔ TƯỚNG, DO VÔ LƯỢNG CÔNG ĐỨC MÀ THÀNH”. PHẬT không phải là Đức Thích Ca, chỉ là Tánh Giải Thoát Ngài. Cái Giải Thoát thì đâu có Tướng ? Mà dù cho đó là Phật Thích Ca thì Ngài đã nhập diệt mấy ngàn năm rồi, làm sao nhận ? Nếu giao cho những người trung gian, thì họ nhận rồi chuyển cho Phật cách nào ? Chùa là chùa, Sư là Sư, Phật là Phật, không thể lẫn lộn. Ai nhận thì nấy chịu trách nhiệm, đừng nghĩ rằng cúng Chùa là cúng cho Phật để rồi cúng cho nhiều để cầu xin, rồi khi không được như ý quay ra trách Phật ! Đạo Phật chân chính dạy XẢ CÁI TÂM để Giải Thoát, không dạy xả của cải để trao đổi, chúng ta không nên quên điều đó để đừng bị lợi dụng vô ích.

Nói về việc tu hành thì Thượng Tọa Thích Nhật Từ cho là *“chỉ có các tu sĩ độc thân, thanh tịnh thì mới tu hành được. Cư Sĩ chỉ đăc chân nhân thôi”* ! . Đó là do Thượng Tọa này quá đề cao Tu Sĩ Xuất Gia, và không hiểu : *“Thành Phật chỉ là thành tựu công việc Thoát Khổ”* thì làm gì phân biệt có gia đình hay độc

thân ? Trong cuộc sống thì người nam hay nữ, già hay trẻ, độc thân hay có gia đình, ai mà chẳng Khổ ?

Chính vì vậy, Đạo Phật không phân biệt. Bất luận Nam hay Nữ, già hay trẻ, học nhiều hay ít, địa vị cao hay thấp, ở trong Chùa hay hàng Bạch Y. Ở trong núi rừng hay thành thị.. Chỉ cần thấy Khổ, muốn cầu Giải Thoát, rồi nương Đạo Phật mà hành trì thì kết quả đều được Thoát Khổ như nhau.

Hơn nữa, nếu độc thân, tu ở Chùa, nhưng tâm địa không ngay ngắn, Tham, Sân, Si không chừa, thì liệu có thanh tịnh, có thành Phật được không ?

Trong phẩm này Phật cũng thọ ký cho dì của Phật, Tỳ Kheo Ni, mẹ của La Hầu La, tương lai đều sẽ thành Phật.

Dịp này Chư Bồ Tát cũng hứa sẽ mang Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA đi khắp nơi tuyên truyền giảng nói.

PHẨM “TRÌ” (13)

Ngài Dược Vương Bồ Tát và Ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát cùng với quyến thuộc hai muôn vị đều ở trước Phật phát lời thệ nguyện sẽ phụng trì, đọc tụng giảng nói Kinh điển này. Chúng sanh đời ác sau căn lành ít, Tăng thượng mạn, tham lợi dưỡng cúng dường thì nhiều, chúng con sẽ thọ trì, giảng nói, biên chép, dùng các món cúng dường không tiếc thân mạng. 500 vị A La hán đã được Thọ Ký, 8.000 người đã được Thọ Ký, kể cả bà Gia Du

Đà La cũng thể sẽ rộng nói Kinh này. Nhưng Phật yên lặng, không thấy nói gì. Do đó các vị tự phát lời nguyện :

“Sau khi Phật diệt độ sẽ đi khắp vòng khắp mười phương thế giới hay khiến Chúng sinh biên chép Kinh này, thọ trì đọc tụng giảng nói, nghĩ nhớ chơn chánh, đúng như pháp mà tu hành”. Họ sẽ TRÌ Kinh PHÁP HOA bằng Hạnh NHẪN NHỤC, nơi đâu có người cầu Pháp thì các vị sẽ tự đến để Nói Kinh.

PHẨM AN LẠC HẠNH (14)

Phẩm này nói về cách NÓI KINH PHÁP HOA.

Phật bảo : *“Nếu các vị Bồ tát ở đời ác sau muốn NÓI Kinh này phải an trụ trong Bốn Pháp” :*

1/- An trụ nơi Hành Xứ của Đại Bồ Tát, tức an trụ trong nhẫn nhục, nhu hòa, không vụt chạc mà cũng không kinh sợ, lại ở nơi PHÁP KHÔNG PHÂN BIỆT MÀ QUÁN TƯỚNG NHƯ THẬT CỦA CÁC PHÁP mà chẳng vin theo, chẳng phân biệt.

2/- An trụ nơi THÂN CẬN XỨ là Vị Đại Bồ tát chẳng gần gũi quốc vương, vương tử, đại thần. Chẳng gần gũi ngoại đạo, chẳng gần gũi nhưng kẻ viết sách thế tục ca ngâm, những kẻ đam đánh nhau, bày các cuộc chơi.

Không sinh dục nhiễm với nữ giới. Chẳng gần gũi người nuôi giết thú. Nếu có lúc họ cần đến thì nói Pháp lòng không mong cầu. Không gần gũi, thân cận với nữ nhân. Không nuôi Sa Di nhỏ tuổi. Thường ưa Ngồi Thiền ở chỗ vắng thu nhiếp Tâm mình.

3/- “Nhút thiết Pháp Không như thiết tướng, chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, tất cả lời nói phối dút, chẳng xuất, chẳng khởi, không danh, không tướng, không lường, không ngăn mé, chỉ do nhưn duyên mà có, thường ưa quán Pháp Tướng như thế. Đó là chỗ thân cận của vị Đại Bồ tát.

4/- Phải an trụ nơi hạnh an lạc, không nói lỗi người khác và Kinh điển, cũng không khinh chê hay nói chuyện hay dở của người khác. Không sinh lòng oán hiềm, khéo tu hạnh an lạc. Khi có người hỏi phải dùng Đại Thừa mà nói cho họ đặng bậc Nhút thiết chủng trí. Phải khởi Đại Bi làm lợi cho nhiều người, tùy sức trí huệ mà dẫn dắt họ.

Nếu Đại Bồ Tát làm được những điều trên thì được sự hộ trì của Chư Thiên. Khi nói Pháp người không chống trái. Kinh này như Viên Châu có giá trị Vua đem ban thưởng cho vị tướng có công. Kinh này giá trị rất sâu, là tạng bí mật của Như Lai, trong các Kinh là bậc nhất, giờ Phật mới nói.

Qua 4 điều kiện nêu trên, chúng ta thấy không phải chỉ cần tu học vài năm, đọc vài phẩm trong Kinh rồi mang ra giảng nói cho bá tánh, mà *bản thân người muốn nói Kinh trước phải thông hiểu Các Pháp. Phải ưa Ngồi Thiền ở chỗ vắng thu nhiếp Tâm mình. Không được gần gũi, nương tựa, nịnh bợ vua chúa, quan quyền, cũng như những người sống bằng những nghề có hại cho chúng sinh. Không tranh hơn thua hay chê bai những pháp sư khác, cũng không vì Danh hay Lợi, mà chỉ vì lòng Đại Bi, muốn*

đem ích lợi đến cho người khác, muốn nói Pháp Đại Thừa để dẫn dắt người nghe đến kết quả Giải Thoát mà thôi.

Người hội đủ những điều kiện đó là người đã Giải Thoát, Tâm đã được an lạc, nên mới có thể mang pháp Giải Thoát đến cho người khác. Kinh hướng dẫn đến từng chi tiết, từ cách học hành đến Kiến Tánh, đến cách Trì Kinh, cách Nói Kinh. Vì thế, Kinh tả : Đây là tạng rất sâu, là tạng bí mật của Như Lai, giờ Phật mới nói.

PHẨM TÙNG ĐỊA DỮNG XUẤT (15)

Bây giờ có vô số Bồ Tát ở phương khác xin Phật cho phép để rộng nói Kinh, nhưng Phật bảo là không cần các ông, vì cõi Ta Bà của ta có số Bồ Tát rất đông. Mỗi vị có sáu muôn hà sa quyển thuộc. Những người đó sau khi ta diệt độ sẽ nói Kinh này. Lúc đó cõi Ta bà, trong Tam Thiên Đại Thiên cõi nước đất đều rung nứt, các vị Đại Bồ Tát đồng thời vọt ra. Thân các vị đều sắc vàng, đủ 32 Tướng Tốt cùng vô lượng ánh sáng. Trước đây đều trụ ở cõi Ta Bà này. Cõi đó trụ giữa hư không. Mỗi vị đem theo hàng hà sa quyển thuộc không đếm hết.

Các vị Bồ Tát đó dùng cách ngợi khen của Bồ Tát mà khen ngợi Phật. Trong đó có 4 vị Đạo Sư : Thượng Hạnh. Vô Biên Hạnh. Tịnh Hạnh, An Lập Hạnh. Họ hỏi thăm Thế Tôn giáo hóa có nhọc mệt không ?

Đại chúng thắc mắc từ xưa đến nay chưa thấy Bồ Tát từ đất vọt lên như vậy, thì Phật của Phật Thích Ca phân thân từ vô lượng muôn ức phương khác đến ngồi xếp bằng trên Tòa sư tử

đồng thấy các *Bồ Tát ở bốn phương từ đất vọt lên*, đều hỏi các vị đó từ đâu đến ?

Đức Phật bảo chờ Đức Di Lặc là vị Phật được thọ ký, kể đây sẽ nói. Phật dạy : Có thể hỏi Phật việc lớn như thế là phải chung một lòng, mặc giáp tinh tấn, phát ý bền vững. *“Các vị Bồ Tát mà các ông thấy là chính ta khi ở ta bà đặng Vô Thượng Chánh Giác rồi, đã giáo hóa chỉ dẫn họ Điều Phục Tâm kia khiến phát Đạo Tâm. Các Bồ Tát này thường siêng tu tinh tấn, ham trí huệ sâu, cầu huệ vô thượng”*.

Lúc đó mọi người sinh nghi nên thắc mắc : *“Thời gian Thái Tử rời khỏi thành đi tu chẳng bao xa, sao có thể làm Phật sự lớn, giáo hóa số Bồ Tát đông đến như vậy”*? Phật đáp : *“Từ lúc thành đạo đến nay đều khiến họ phát tâm, giáo hóa, chỉ dạy làm cho họ hướng về Vô Thượng Chánh Giác”*.

Phẩm này nói về những CHÚNG SINH ĐÃ ĐƯỢC ĐỘ, THÀNH PHẬT. Tức là từ lúc bắt đầu hành Hạnh BỒ TÁT, ĐỨC THÍCH CA đã “Độ” “vô lượng vô số chúng sinh”, nên khi tụ họp lại đông như số cát sông Hằng. Do đó, Phật nói là CÕI TA BÀ CỦA TA TỰ CÓ CHÚNG ĐẠI BỒ TÁT.

Từ dưới đất vọt ra tức là từ ĐẤT TÂM. Sáu muôn hà sa tức là Chúng Sinh trong Lục Đạo vậy.

Cách khen ngợi Phật của Bồ Tát cũng là làm công việc ĐỘ SINH. “Chỉ dẫn họ điều phục Tâm kia khiến phát Đạo Tâm”, tức là Điều phục cái VỌNG TÂM. “ĐỘ SINH” là “Đưa” hay “chuyển hóa

Chúng Sinh cho nó Thành Phật". Trong khi thực tế thời đó Đức Thích Ca chỉ có 1.250 Đại Đệ Tử mà số Bồ Tát đông như số cát sông Hằng thì ta biết đó là những CHÚNG SINH, tức là những tư tưởng mà Phật đã Độ trong thời gian hành Hạnh Bồ Tát *"siêng tu tinh tấn, ham Trí Huệ sâu, Cầu Huệ Vô Thượng"* để được Thành Phật. Không phải Chúng Sinh đó là những Phật Tử bên ngoài hay Chúng Sinh, Bồ Tát của Phật nào khác vậy.

PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG (16)

PHẬT bảo đại chúng 3 lần : "Các ông phải tin tưởng lời nói chắc thật của Như Lai". Ngài Di Lặc cũng chấp tay xin Phật nói. Phật bảo : Sức bí mật thần thông của Như Lai là : *"Thật ra ta thành Phật đã từ vô lượng kiếp. Các thế giới nhiều như vi trần, ta thường ở đó nói pháp giáo hóa chúng sanh. Nơi chận giữa ta nói Phật Nhiên Đăng v.v.. lại nói các Đức Phật nhập Niết Bàn đều là phương tiện để phân biệt tùy theo chúng sanh ưa pháp nào mà thuyết làm cho họ được vui mừng"*.

Kinh điển của các Đức như Lai nói ra đều vì độ thoát chúng sanh. Hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người đều thiệt chẳng dối, đều là phân biệt để giảng nói giáo hóa chúng sanh. Nếu thấy Phật ở lâu nơi đời thì chúng sanh sanh lòng nham chán, chẳng sinh ra ý tưởng khó gặp gỡ . Vì vậy, Như Lai dầu chẳng diệt mà nói diệt độ, làm cho chúng sanh thấy khó gặp mà sinh lòng khát ngưỡng. Như lương y, tùy bệnh mà cho thuốc.

Do đa phần Phật Tử đã bị những Pháp Sư chưa hiểu chưa đúng về Phật công mê bao nhiêu thời qua, nên cứ tưởng rằng Phật Tổ NHƯ LAI là một vị Thần Linh, quyền uy bao trùm, có toàn quyền thưởng, phạt, ban ân, giáng phúc. Trong khi đó, NHƯ LAI chỉ để nói về người tu không còn bị các Pháp làm Khổ nữa. Phật dạy rằng Như Lai vốn thường trụ, Vì NHƯ LAI chỉ là người đối với vạn Pháp không khởi tâm, nên thấy Vạn Pháp đều NHƯ.

Kinh VIÊN GIÁC viết : *“Đây là ba phương tiện đầu tiên tu hành của hành giả, tức là BA PHÁP QUÁN. Nếu các Chúng Sinh tinh tấn siêng tu Ba Pháp Quán này được hoàn toàn tức là NHƯ LAI xuất hiện ở thế gian vậy”* (Kinh VIÊN GIÁC, số 9 CHỈ QUÁN SONG TU (THIỀN NA).

BA PHÁP QUÁN là : CHỈ, QUÁN và CHỈ QUÁN SONG TU. Người tu nhờ THIÊN ĐỊNH, dùng thời gian tĩnh lặng để Quán Soi Các Pháp, trong đó quan trọng là THÂN, TÂM và PHÁP. Khi Quán sát, thấy rõ, hiểu rõ về sự Khởi, Diệt của Các Pháp. Hiểu rõ *“Chúng Thánh hay đọa Phàm cũng do Lục Căn”* (Kinh THỦ LĂNG NGHIÊM). BIẾT VỌNG TÂM chính là thủ phạm của SINH TỬ LUÂN HỒI, thì quay vô Điều Phục Cái Tâm. Giải thích cho chúng sinh mình, tức là tư duy, soi quán cho kỹ để hiểu cho rõ những Pháp mà Phật đã hướng dẫn là TỨ DIỆU ĐẾ, THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN, LỤC ĐỘ BA LA MẬT và BÁT CHÁNH ĐẠO gọi là Chuyển Pháp Luân, rồi từng sát na làm công việc ĐỘ SINH.

Khi cái Tâm đã được thanh tịnh. Chúng Sanh đã được Độ thoát thì Tâm người đó sẽ không sinh khởi Tham, Sân, Si, Mạn, thương, ghét.. với các Pháp, gọi là Các Pháp đều NHƯ tức là NHƯ LAI xuất hiện trên thế gian vậy.

Nhưng vì những người đức mỏng nghe vậy thấy là quá tầm thường bèn không trông căn lành. Phải nói rằng đã diệt độ thì họ mới sinh ra ý tưởng khó gặp để cung kính.

Phật dùng thí dụ “*như người cha thấy con bị ngộ độc, bị hành hạ đau đớn, nhưng không chịu uống thuốc cho lành bệnh. Vì thế, người cha phải tạm lánh mặt rồi nói là cha đã chết, có phương thuốc truyền lại cho con. Đứa con thương tiếc cha nên mới chịu uống thuốc nên bệnh hết. Người cha thấy con đã lành mạnh nên trở về cho nó được thấy*”.

Phẩm này nói về PHẬT TÁNH tức CÁI TÁNH GIẢI THOÁT, mỗi chúng sanh đều có, nhưng do bệnh VÔ MINH, nên không thấy được. Vì thế, Chư Phật phải dùng Lục Độ, Vạn Hạnh, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, dạy cho Quán Sát, Tư Duy để Thấy được cái Phật Tánh vốn sẵn có mà Thoát Khổ.

Sau khi THẤY được PHẬT TÁNH thì chưa phải là GIẢI THOÁT ngay, mà còn phải tập để lời nói và việc làm như nhau. Kinh dùng thí dụ : “*Có Thái Tử con của vua, nhưng lạc gia đình từ nhỏ, sống lẫn lộn với đám lưu manh đầu đường, xó chợ, quen những thói hư, tật xấu, ăn uống, nói năng, giao tiếp đều giống y bọn đó. Khi nhận ra gốc gác, biết rằng mình thuộc dòng dõi sang trọng thì*

phải tập lại cách cư xử cho giống với dòng tộc mình". Do đó, Chư Tổ gọi là KIẾN TÁNH KHỞI TU. Đó là giai đoạn Thứ Tư trong Bốn giai đoạn tu hành là KHAI, THỊ, NGỘ, NHẬP. Tức là sau khi được Khai Mở cho biết Chánh Pháp. Người tu hành trì một thời gian. Khi đã Ngộ rồi thì còn phải NHẬP, tức là lời nói và hành động phải tương xứng. Do đó mà người tu sau khi Thấy Tánh còn phải hành trì để Xứng Tánh của mình. Thời gian đó gọi là TU, tức là SỬA những chỗ đã Hiểu sai, Hành sai cho đúng lại vậy

Con Phật thì không còn THAM SÂN SI mà phải TỪ BI HỈ XẢ. Phải hành HẠNH BỒ TÁT, cứu độ Chúng Sanh. Phải "Độ" cho hết Chúng Sanh thì mới hoàn toàn Giải Thoát hay Thành Phật. Người tu còn phải "đúc, tạc Tượng Phật", tức là rập khuôn theo những gì mà Phật đã làm, rồi làm theo, để Phật của mình cũng có được 32 Tướng Tốt, 80 Vẻ Đẹp. Không phải như những người đã hiểu theo văn tự, rồi dùng vàng hay đồng, thạch cao gỗ để đổ khuôn hay tạc những Tượng cho giống hình ảnh được mô tả về Phật, rồi cho đó là Tượng Phật để thờ phụng, nhang khói, cầu xin ! Người tu cần phải Xả những cái CHẤP SAI, Hành sai, và Hành những THIÊN HẠNH để hoàn thành PHẬT TÂM của chính mình vậy.

PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC (18)

Đại chúng nghe Phật nói thọ mạng dài lâu như thế thì dặng lợi ích lớn. Phật bảo : *"Nếu có chúng sanh nào nghe Phật thọ mạng dài lâu mà tin nhận thì được công đức rất lớn. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn vì đạo vô thường chánh giác trong*

vô số kiếp tu Năm phép Ba La Mật, trừ Trí Huệ Ba La Mật thì công đức không thể sánh được. Người tin Phật thọ mạng dài lâu chính là thấy Đức Phật thường nói pháp. Người đọc tụng, thọ trì Kinh này là kẻ đầu đội Đức Như Lai. Sau khi ta diệt độ nếu có người thọ trì Kinh này, hoặc tự chép hoặc bảo người chép, cúng dường quyển Kinh thì chẳng cần tạo Chùa tháp, tạo lập tang Phường, cúng dường chúng Tăng, huống là Thọ Trì gồm tu hạnh Bồ Thái, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Nhất tâm trí huệ, công đức người đó vô lượng vô biên”.

Qua trích Kinh, chúng ta thấy phân tích rõ : Người chỉ NGHE Phật thọ mạng dài lâu mà tin thì được Công Đức lớn. Người NGHE và TU NĂM PHÉP BA LA MẬT tức là Năm Độ trong LỤC ĐỘ BA LA MẬT nhưng thiếu TRÍ HUỆ BA LA MẬT, thì thấy Phật thường nói Pháp. Nhưng nếu người Thọ trì, tức là Hành đầy đủ Lục Độ Ba La Mật gồm : BÔ THÍ, TRÌ GIỚI, TINH TẤN, NHẪN NHỤC, NHẤT TÂM TRÍ HUỆ thì công đức người đó vô lượng vô biên.

Nếu vì người khác giải nói Kinh Pháp Hoa này, lại có thể “thanh tịnh Trì Giới cùng người nhu hòa, Nhẫn Nhục không Sân, chí niệm bền vững, thường quý Ngồi Thiền được Định sâu, Tinh Tấn mạnh, nhiếp các pháp lành, căn lành trí sáng, giải gạn hỏi đáp” thì “Phải biết người đó gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ngồi dưới cây đạo thọ”.

“*Vì người khác giải nói*” không phải là đi giảng Kinh cho bá tánh, mà là giải nghĩa cho Chúng Sinh của chính mình. Người tu

còn phải Trì Giới, Nhẫn Nhục, Thiền Định, nhiếp các Pháp lành thì mới gọi là gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Người làm được việc Trì Kinh, Nói Kinh, Giảng Kinh thì không khác Phật.

PHẬT TỬ Ở CHỖ NÀY

THỜI LÀ PHẬT THỌ DỤNG

THƯỜNG Ở NƠI TRONG ĐÓ

KINH HÀNH VÀ NGỒI NẪM

Có nghĩa là người đó đã được Giải Thoát, tức đã là Phật vậy.

PHẨM TÙY HỈ CÔNG ĐỨC (18)

Phật dạy : *“Người nghe Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ , rồi vì cha mẹ, thiện hữu tri thức mà truyền lại xoay chuyển đến người thứ năm mươi thì phúc đức vô lượng thì mọi thứ thích ý vừa lòng, không còn những tướng xấu, đời đời sinh ra thấy Phật, nghe pháp, tin nhận huống là người phân biệt, đúng như lời dạy mà tu hành”.*

Nhiều người đọc Kinh thấy vậy rồi đi rủ rê nhiều người khác đi nghe pháp, thậm chí là giảng lại những gì đã nghe, tưởng làm như thế là sẽ có công đức vì rõ ràng kinh viết như thế.

Nhưng chúng ta thấy, Phật dạy muốn NÓI PHÁP phải hội đủ nhiều điều kiện thì mới được lợi ích cho người nghe. Đôi khi người ta không muốn nghe mà mình cố nói càng làm cho người ta coi thường Pháp của Phật, gọi là “bang phật nhạo Pháp”, thì công không bằng tội. Hơn nữa, Phật dạy, muốn Nói Pháp phải

“Tùy thời, tùy lúc, tùy căn cơ” . Không biết trình độ người nghe tới đâu mà nói Pháp thì như lời Kinh dạy : “ *Đừng đem ngọc thả cho heo dày mà cũng đừng đem nước biển lớn đổ vào lỗ chân trâu*”. Trước hết là bản thân người nói Pháp phải thanh tịnh, không có lỗi gì để người đời không chê trách. Sau đó, phải nói đúng Chánh Pháp, nói điều mà người nghe cần, có lợi ích cho họ, cho Đạo Pháp, và người nói cũng phải với cái Tâm không cầu mong thì mới nên nói.

PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC (19)

Kinh viết : “ Nếu có người thọ trì Kinh Pháp Hoa được công đức nơi Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý, Sáu Căn đều được thanh tịnh, thấy được Nghiệp Nhân Duyên quả báo của Chúng Sinh, được Thân thanh tịnh nên chúng sanh trong cõi Tam Thiên lúc sanh, lúc chết, chỗ lành, chỗ dữ đều hiện rõ trong đó”.

Người Thọ, Trì Kinh PHÁP HOA thì đã biết làm Hạnh Bồ Tát, đã hiểu rõ thế nào là Chúng Sinh, nên biết rõ đường đi, lối về của chúng để cứu độ chúng.

Trong mỗi người có Sáu Căn : Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý, mà TÂM là chủ thành. Nên khi TÂM là Vua, đã điều phục xong thì tất cả thuộc hạ là quan, quân, lính cũng đều nghe theo. Do đó Lục Căn đều thanh tịnh.

Việc ĐIỀU PHỤC hay CHUYỂN HÓA CÁI TÂM cũng là lập CÔNG ĐỨC, vì hoàn thành Phật Tâm của chính mình vậy.

PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT (20)

Phẩm này nói về Đức Phật hiệu là Oai Âm Vương :

- Vì hàng Thanh Văn mà nói Pháp Tứ Đế, thoát khỏi Sinh, Lão, Bệnh tử rớt ráo Niết Bàn.
- Vì hạng cầu Bích Chi Phật mà nói Pháp Thập Nhị Nhân Duyên
- Vì Bồ Tát mà giảng Lục Độ Ba La Mật, rớt ráo trí huệ của Phật.

Đức Phật đó diệt độ, sau khi Chánh Pháp, tượng pháp diệt hết thì lại có Phật Oai âm Vương ra đời. Thời sau lại có những Tỳ Kheo Tăng Thượng Mạn có thế lực lớn.

Lúc đó có Tỳ Kheo có tên Thường Bất Khinh. Vị Tỳ Kheo này thấy bất cứ ai, dù là bậc tu hành hay không, đều lễ lạy và nói Tôi rất kính quý Ngài chẳng dám khinh mạn, vì quý ngài đều tu hành đạo Bồ Tát sẽ đặng làm Phật. Bồ Tát này chẳng chuyên đọc tụng Kinh điển, chỉ lễ lạy. Thấy bất cứ ai cũng lập lại câu “Tôi chẳng dám khi quý Ngài, quý Ngài đều sẽ làm Phật”, làm cho nhiều người mắng nhiếc cho rằng sao lại thọ ký cho chúng ta ? Trải qua nhiều năm như vậy, dù bị ném đá hay cây, thì Ngài chạy xa nhưng vẫn to tiếng nói câu đó, nên người đời gọi ông là Thường Bất Khinh.

Vị Tỳ Kheo này lúc sắp chết được nghe trọn bài Kệ Pháp Hoa của Đức Oai Âm Vương Phật đã nói thưở trước, Ngài thọ trì liền được Lục Căn thanh tịnh, sống thêm hai trăm muôn ức na do

tha tuổi, vì người nói Kinh Pháp Hoa. Các vị trước đây đã khinh Tỳ Kheo này nay đều tin phục.

Phật dạy : *“Vì sao Thường Bất Khi Bồ Tát cung kính tôn trọng ngợi khen trông các tội căn lành sau lại gặp Phật nói kinh điển này thành tựu công đức đặng làm Phật? Thường Bất Khinh Bồ Tát đó chính là thân ta. Nhờ vì người khác đọc tụng giải nói Kinh này nên mau được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Kinh này rất lợi ích cho các vị Đại Bồ tát có thể làm cho đến nơi đạo Vô Thượng Chánh Giác, cho nên sau khi Phật diệt độ thường phải đọc tụng giải nó biên chép Kinh này”*.

Theo tôi nghĩ, có lẽ thời xưa có một số vị tu hành thấy được những điều hay, lạ của Đạo nên quá mến mộ, muốn thu phục người khác, mục đích là để giúp họ tu hành. Vị đó nghĩ là nếu làm điều gì khác thường thì nhiều người chú ý, như vậy sẽ có cơ hội để thu phục họ, đưa họ vào Đạo. Thời này thịnh thoảng chúng ta cũng thấy có một số người tương tự.

Tuy nhiên, chúng ta thấy Đạo Phật không đơn giản cứ thuyết là người khác sẽ nghe. Người chấp nhận vào tu theo Đạo Phật thì phải là những người có sẵn “Căn Cơ” mà Kinh mô tả là đã *“Nhiều đời trông tội Công Đức, cúng dường vô số ức Đức Phật”* nên đâu thể vì làm cho họ chú ý mà họ đã tin ? Nếu họ thật có như cầu tu học thì dù Thiện Tri Thức ở tận rừng sâu, núi thẳm thì họ cũng lặn lội đi tìm, đâu cần phải làm trò nọ trò kia để gây chú ý ? Ngược lại, dù gây cho họ chú ý nhưng không phải là căn

cơ của họ thì có thể họ cũng sẽ tham gia, nhưng sau đó chỉ cần thấy việc tu học đòi hỏi nhiều thứ, nào là Giữ Giới, nào là Văn, Tư, Tu, nào là Bát Chánh Đạo, họ thấy mất tự do nên trước sau họ cũng nản mà bỏ đi thôi. Do đó, có muốn “Độ” người thì cũng phải đủ Duyên, không nên cưỡng cầu, vì cái mình thấy hay, thấy đúng chưa chắc là cái họ cần, vì thế nên tùy Duyên vậy. Người có duyên với mình thì lúc nào đó sẽ tự tìm đến, vì nếu giảng Pháp không vì Danh, vì Lợi thì có gì phải nôn nóng, đâu có gì phải tranh giành với người khác để giảng ?

Người tu Phật là để KHÔNG CÒN MÌNH. Vì vậy, càng tu cao chừng nào, càng hiểu Giáo Pháp của Đạo thì càng phải tôn trọng mọi người, vì thấy “Tất cả Chúng Sinh là Phật sẽ thành”. Ngược lại, người tu nào một thời gian mà thấy mình cao, mình hơn người, thì đó là những người chấp cái Ngã Tu Hành thì chứng tỏ là họ cũng chưa Xả được cái Ngã. Như vậy, thì càng tu lâu năm cái Ngã càng kiên cố nên e rất khó có người nhắc mà họ chịu nghe. Vì thế, Chư cổ đức có câu : “*Phàm Phu còn có tâm quay về mà Thịnh Văn thì Không*”. Ngay trước lúc Phật giảng Kinh PHÁP HOA thì 5.000 người đã bỏ ra về cho ta thấy điều đó.

PHẨM NHƯ LAI THẦN LỰC (21)

Lúc bấy giờ các vị Đại Bồ Tát như vi trần trong nghìn thế giới từ dưới đất vọt lên bạch Phật là ở các cõi nước của Đức Thế Tôn phân thân diệt độ chúng con sẽ rộng nói Kinh này. Lúc đó Thế Tôn *hiện ra tướng lưới rộng dài lên đến trời Phạm Thiên*, các

lỗ chân lông đều phóng ra tia sáng khắp soi các cõi nước trong mười phương. Các Đức Phật ngồi trên tòa sư tử cũng lại bày *tướng rộng dài* phóng vô lượng tia sáng.

Đức Thích Ca và các Phật hiện sức thần thông mãn trăm nghìn năm sau mới hườn nhiếp tướng lưới. Đồng thời tăng hắng và khảy móng tay hai tiếng vang lên khắp cõi nước của các Đức Phật mười phương, đất đều Sáu Diệu vang động, các chúng sanh trong đó đều thấy Phật ngồi tòa sư tử trong tháp báu. Chư Thiên cũng xướng lên rằng có Đức Thích Ca Mâu Ni đang nói Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA, các ông nên lễ bái cúng dường, nên chúng sanh đều dùng các món trang nghiêm bằng trân bảo để cúng dường Phật.

Tóm lại là tất cả Pháp của, Thần lực tự tại, tạng bí yếu của Như Lai đều tuyên bày rõ trong Kinh này. Các ông nên thọ trì. “Cõi nước chỗ nào nếu có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, đúng như lời tu hành, hoặc là chỗ có quyển Kinh, hoặc trong vườn, hoặc trong rừng, hoặc dưới cây, hoặc Tăng phường, hoặc nhà Bạch Y, hoặc ở điện đường, hoặc núi hang đồng trống, trong đó đều nên dựng tháp cúng dường.

Vì sao ? Phải biết chỗ đó, chính là Đạo tràng, các Đức Phật ở đây mà đặng Vô Thường Chánh Đẳng Chánh Giác. Các Đức Phật ở đây mà Chuyển Pháp Luân, các Đức Phật ở đây mà nhập Niết bàn”.

“Tướng lưỡi rộng dài” của Chư Phật chắc chắn không phải là cái lưỡi thật. Vì nếu người có cái lưỡi quái dị như vậy thì chắc đó là yêu quái không phải người phàm. Ý Kinh là lời nói chân thật của Phật có sức lan tỏa, bao trùm cả Tam Thiên, Đại thiên thế giới, làm cho chúng sinh ở đó đều tin phục.

Chẳng biết Kinh viết Chư Phật “tăng hăng và khảy móng tay” để tả điều gì mà vang động khắp cõi nước mười phương ? Chúng ta chỉ biết rằng những lời Phật thuyết là những lời chân chính. Giáo Pháp Phật đưa ra có khả năng Trừ Khổ cho chúng sinh, nên bất cứ thời nào, những ai Nghe, Tin và Hành theo thì đều được kết quả là Thoát Khổ, vì lời Phật không hư vọng.

Phẩm này cũng cho thấy người muốn tu hành thì ở bất cứ đâu cũng có thể tu được. Không nhất thiết phải tập trung vô Chùa bỏ hết mọi việc, miễn là ĐÚNG NHƯ PHÁP TU HÀNH, thì *“trong đó đều nên dựng tháp cúng dường, vì chỗ đó chính là Đạo tràng. Các Đức Phật ở đây mà đặng Chánh Giác. Các Đức Phật ở đây mà Chuyển Pháp Luân. Các Đức Phật ở đây mà nhập Niết Bàn”*.

PHẨM CHÚC LỤY (22)

Lúc bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni đem Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phó chúc cho vô lượng Đại Bồ Tát để các ngài phổ biến cho tất cả chúng sanh. Vì Đức Như Lai có lòng Từ Bi, muốn cho tất cả chúng sanh được Trí Huệ của Như Lai. Nếu chúng sanh nào chẳng tin nhận thì phải ở trong pháp sâu khác

mà chỉ dạy cho họ được lợi ích. Như thế là đã báo đáp ân Phật. Các vị Đại Bồ tát đều hứa vâng làm.

Nhiệm vụ của người tu, sau khi hoàn tất cho mình thì phải nối tiếp người đi trước, mang ánh sáng giải Thoát đến cho những người đi sau, để tất cả mọi người cùng được hạnh phúc, an vui trong kiếp sống. Do đó, mục đích giảng Kinh của Pháp Sư không phải là để phô trương sự hiểu biết, mà làm sao để “cho chúng sanh đặng Trí Huệ của Như Lai”. Người giảng pháp phải tìm mọi cách để người nghe chấp nhận tin, hiểu mà hành trì để được lợi lạc. Do đó, trước hết bản thân của người tu học phải Quán Sát, Tư Duy để hiểu cho rõ và thực hành đạt kết quả thì mới dẫn dắt người khác được. Như thế, tất cả những người tu hành chân chính đều là những người được Phật giao cho trọng trách “Mỗi ngọn vô tận đặng” để nối giòng Chánh Pháp của Chư Phật vậy.

DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BỐN SỰ (23)

Phẩm này nói về Bồ tát tu tập Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA đặng Tam Muội hiện “Nhứt Thiếc sắc thân tam muội” nên Ngài dùng các thứ hương hoa để cúng dường. Nhưng nghĩ rằng, dầu dùng thần lực để cúng dường không bằng dùng Thân để cúng dường, nên uống các chất thơm mãi một nghìn hai trăm năm rồi dùng dầu thơm xoa thân ở trước Phật dùng Y báu cõi trời tự quán thân rồi các thứ dầu thơm rồi dùng sức nguyện thần thông tự đốt thân.

Ánh sáng soi cả tám mươi ức hàng sa thế giới các đức Phật đồng thời khen thật là tinh tấn, là chơn Pháp Cúng Dường. Nếu cùng các vật báu hay quốc thành, thê tử cúng dường cũng chẳng bằng.. Đây mới là Pháp Cúng Dường các Đức Như Lai. *Thân của Bồ Tát lửa cháy một nghìn hai trăm năm mới hết.*

Sau đó Ngài Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát lại nghĩ rằng nên *Cúng Dường Xá Lợi, liền trước tám muôn bốn nghìn tháp, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm mãi bảy muôn hai nghìn năm để cúng dường* làm cho vô số người phát tâm vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác trụ trong Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội..

Ngài Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát ở trong đại chúng lập lại lời thế : *“Tôi bỏ hai tay ắt sẽ đặng Thân Sắc Vàng của Phật. Nếu thật không dối thời khiến hai tay tôi hoàn phục như cũ”* Nói xong, hai tay tự nhiên hoàn phục. Đó là phước đức trí huệ của Bồ Tát cảm nên.

Đức Phật bảo : *“Ngài Nhứt thiết Chúng sanh Hỷ Kiến Bồ tát đã từng bỏ vô số thân để cúng dường . Nếu người phát tâm muốn đặng Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có thể đốt một ngón tay nhứt đến một ngón chân để cúng dường Pháp của Phật còn hơn đem quốc thành thê tử và núi rừng sông ao, các vật báu mà cúng dường.*

Nếu có người đem bảy thứ châu báu đầy cả cõi Tam Thiên cúng dường Phật, Bồ tát. Duyên Giác cùng A La hán cũng không bằng

công đức của người thọ trì Kinh Pháp Hoa. Như các dòng nước sông, ngòi kinh rạch, thì biển là lớn nhất. Kinh Pháp Hoa cũng như thế. Trong các ngôi sao thì mặt trăng là lớn nhất. Kinh Pháp Hoa cũng thế. Như mặt trời hay trừ các chỗ tối. Kinh Pháp Hoa phá những chỗ tối, bất thiện, trong các Kinh thì Kinh Pháp Hoa là bậc nhất, là vua các Kinh. Người thọ trì được kinh Kinh này là bậc nhất vì có thể cứu tất cả chúng sanh”.

Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau nếu có người nữ nghe Kinh này đúng như lời tu hành thời khi chết liền sanh qua cõi An Lạc, chỗ trụ xứ của A Di Đà Phật, cùng chúng đại Bồ tát vây quanh sanh trong tòa báu, trên Hoa Sen.

Người này chẳng còn bị lòng Tham, Dục làm Khổ, chẳng còn bị lòng giận dữ, ngu si, kiêu mạn, ganh ghét làm khổ, được thần thông Vô Sanh Pháp Nhãn của Bồ Tát, đặng Pháp Nhãn đó thời Nhãn Căn thanh tịnh, do Nhãn Căn thanh tịnh thấy muôn nghìn hàng sa ức các Đức Phật Như Lai.

Người thọ trì Kinh này chẳng bao lâu sẽ độ thoát chúng sanh ra khỏi Sanh, Già, Bệnh, Chết.

Trong khi Đức Thích Ca dạy rằng “Nhân Thân nan đắc”, tức là rất khó có được cái Thân người, thì sao Phẩm này nói về Bồ Tát “đốt thân để cúng dường Phật” và các Đức Phật khen là “Chơn thiệt tinh tấn, chơn Pháp Cúng Dường Như Lai. Nếu dùng hương hoa, chuỗi ngọc, cùng các vật quý đều chẳng bằng được”? Lời Kinh đã làm cho nhiều người thời xưa cũng đã hiểu lầm,

trong đó hình như có Thiền Sư Nguyệt Khê cũng từng lóc một mảng thịt để “Cúng dường Phật” !

Kinh đã dạy VẤN TƯ TU, tức là khi đọc Kinh nghe Nghe pháp thì nên tư duy, tìm ý nghĩa đúng rồi mới thực hành. PHẬT là Giải Thoát. “ĐỐT CÁI THÂN” để CÚNG DƯỜNG PHẬT là dùng LỬA TRÍ Huệ để đốt CÁI CHẤP TA hay MÌNH. Có nghĩa là XẢ CÁI CHẤP THÂN. Lóc thịt là dùng Dao Trí Huệ để lóc, tức là loại bớt những ham muốn cung cấp cho CÁI THÂN những xúc cảm, những vật chất mà nó yêu thích, đâu phải dùng lửa phàm để thiêu cái Thân thịt ?

Đọc kỹ Kinh ta thấy : Trước khi đốt thì Ngài Nhứt Thiết chúng sanh Hỷ Kiến Bồ Tát *đã uống các chất thơm mãn một nghìn hai trăm năm, rồi lấy dầu thơm xoa thân. Dùng Y báu cõi trời mà quán thân, rưới các thứ dầu thơm rồi DÙNG SỨC NGUYỆN THÂN THÔNG MÀ ĐỐT THÂN, đâu có đốt bằng lửa phàm ? Thân của Bồ tát lửa cháy một ngàn hai trăm năm sau mới hết*”. trong khi chúng ta sồn sác, đọc lồm bồm, chưa kịp hiểu đã dùng lửa đốt cái xác phàm. Phật cần tro cốt của người tự thiêu để làm gì mà dùng thứ đó để cúng Phật ?

Kinh còn viết là Ngài Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát lại “đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm” còn thể rằng “*Tôi bỏ hai tay ắt sẽ đặng thân sắc vàng của Phật. nếu thiệt không dối thời khiến hai tay tôi hoàn phục như cũ*” Nói lời thể đó xong hai tay tự nhiên hoàn phục. Cũng như kinh viết : “*Nếu người phát tâm*

muốn đặng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có thể đốt một ngón tay nhằm đến một ngón chân để cúng dường Tháp của Phật thì hơn đem quốc thành, thê tử và cõi Tam thiên Đại Thiên, núi rừng song ao, các vật trân báu mà cúng dường. Nhưng nếu đem so sánh với người thọ trì Kinh Pháp Hoa này nhằm đến một bài kệ Bốn Câu, phước của người này rất nhiều”

Theo ý nghĩa đoạn trích Kinh thì ta thấy, mục đích là để làm sự so sánh giữa NGOẠI TÀI THÍ và NỘI TÀI THÍ và Công Đức của người thọ trì Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA :

Thân người thì ai cũng quý. Nếu đốt một ngón tay hay một ngón chân để cúng dường, thì giá trị còn hơn là quốc thành, thê tử, các vật trân báu mà cúng. Nếu đem, bảy thứ báu chất đầy cõi Tam Thiên để cúng dường Phật, Đại Bồ Tát, Duyên Giác, A La Hán thì công đức cũng không bằng người thọ trì Kinh PHÁP HOA, dù chỉ là Bài Kệ Bốn Câu. Là ý Kinh muốn nói rằng Công Đức của người Thọ trì Kinh Pháp Hoa còn quý hơn là cúng dường các thứ kia, ngay cả người dám đốt cái thân hay đốt một ngón tay, ngón chân là thứ con người yêu quý nhất ! Đó là vì Kinh PHÁP HOA này làm cho người tu đến gần Vô Thượng Bồ Đề. Không phải xui chúng ta đốt ngón tay, ngón chân để cúng dường làm gì. Cho nên nếu đọc kinh thì chúng ta cần đọc cho thật kỹ để hiểu ý nghĩa rồi mới thực hành.

Phật dạy cái Thân tuy nó là tội đồ, vì khi Mê thì nó dắt chúng ta tạo Nghiệp để rơi vào các đường Ác. Nhưng khi Tỉnh ngộ, thì

chính nó là ân nhân giúp người tu hoàn thành công việc tu hành đến kết quả cuối cùng. Phật nói về sự gìn giữ Cái Thân như người tu như người rớt xuống biển nhờ ôm cây ma mà vào được bờ. Nếu không có cây ma thì lấy gì mà vô được bờ? Vì thế nên phải gìn giữ Cái Thân để làm phương tiện mà tu hành. Mất cái Thân thì làm sao tu học? Mắt đâu để đọc Kinh sách? Tai đâu để nghe lời Chư Vị giác ngộ thuyết? Vì thế, người tu không cứng chiu nó, nhưng cũng không ngược đãi nó, vì nó cũng chính là ân nhân của người tu, nhờ nó mà có thể tu hành thành công vậy.

DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BỔN SỰ tức là vị Bồ tát có Y thuật, có thể chữa lành bệnh cho chúng sinh. Bệnh đó là VÔ MINH. Người dù mang thân nữ, được coi là nghiệp nặng, nhưng chỉ cần tu hành Kinh PHÁP HOA thì cũng chuyển đổi thân nữ. Và *“người nữ nào nghe Kinh PHÁP HOA, đúng như lời tu hành thời khi chết ở đây liền qua cõi an lạc của Đức A Di Đà. Người chỉ cần khen ngợi Phẩm này thôi thì trong miệng thường thoảng ra mùi thơm hoa Sen xanh, trong lỗ chân lông nơi thân thường thoảng ra mùi thơm của ngưi đầu chiên đàn”*. Đó là nói về người tu tập theo Kinh PHÁP HOA, như những phẩm trước đã nói. Họ giữ Giới, Hành theo Bát Chánh Đạo, lời nói dịu hòa, Nhẫn Nhục, khiêm cung, không kiêu mạn, tật đố, lại noi theo gương của Thượng Bất Khinh Bồ Tát để tôn trọng người khác thì người tiếp xúc cũng đều quý mến. Đó chính là Mùi hương của đạo, hạnh mà ai cũng muốn được nghe vậy.

PHẨM DIỆU ÂM BỒ TÁT (24)

Lúc bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni phóng ánh sáng soi khắp các cõi Phật ở phương Đông, trong đó hiện các Đại Bồ Tát đến để cúng dường.

Các Bồ Tát bảo nhau chớ khinh nước Ta Bà là hạ liệt, và hiện sức Tam Muội hóa Hoa Sen báu. Nhiều vị thắc mắc hỏi Phật vì sao ? Phật dạy “Đó là Diệu Âm Đại Bồ Tát muốn cúng dường nghe kinh Pháp Hoa”.

Bồ Tát này đã từng hiện đủ thứ thân hình, Phạm Vương, Đế Thích cho đến Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, nhơn và phi nhơn mà nói Kinh này. Nếu chúng sanh đáng dùng thân nào thì dùng thân hình đó mà độ như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Đó là do dùng Tam muội “Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội”.

TAM MUỘI được dịch là ĐỊNH TÂM, tức là trụ tâm trong một cảnh. Khi tập trung để Quán một Pháp gọi là Tam Muội. Ngài DIỆU ÂM BỒ TÁT lấy Tâm Bồ Đề làm nhơn, lấy Đại Bi làm căn bản, tu tập phương tiện được Vô Thượng Bồ Đề làm cứu cánh, nên ngài được Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội, tức được thân tốt đẹp. Khi hiện thân ở cõi ta Bà thì hóa làm Hoa Sen báu cúng dường Phật, làm cho Văn Thù Sư Lợi không biết Bồ Tát DIỆU ÂM tu những căn lành gì mà được như thế.

Đó là Kinh nói về kết quả Thoát Pháp của người tu Phật. Người tu Phật không còn bị các Pháp làm cho điên đảo, đau khổ, gọi là không nhiễm vương như trước khi tu hành. Vì thế, Kinh hay

ví như Hoa Sen, vì Hoa Sen không bị bùn làm cho ô nhiễm, để nói về người tu nhờ làm bao nhiêu Công Đức mà Thoát Pháp, nên cũng hay dùng câu là “Bồ Tát đi thì có Hoa Sen đỡ chân” hay hiện Hoa Sen để cúng dường Phật vậy.

PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN (25)

Nhiều người tu hành lâu năm, nhưng vẫn tin rằng Phật là Thần Linh, chư Bồ Tát có nhiệm vụ cứu độ Chúng Sinh, nên lúc đọc Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA họ không cần đọc những phẩm khác, mà chỉ tập trung đọc Phẩm PHỔ MÔN, vì Phẩm này nói về QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT cứu độ chúng sinh. Chỉ cần niệm danh hiệu của Ngài là cầu gì được nấy.

Kinh viết : “ Vô Tận Ý bạch hỏi Phật: Ngài Quán Thế Âm do duyên gì mà có tên là Quán Thế Âm ? Phật dạy : Nếu có chúng sanh chịu vô lượng khổ đau, một lòng xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát thì vào lửa lửa không cháy, vào nước cũng không chìm, sắp bị hại thì cũng thoát. Muốn cầu con trai, con gái cũng như ý. Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm được công đức lớn. Quán Thế Âm tùy theo chúng sanh muốn vào quốc độ nào thì hiện thân để nói Pháp. Ngài Vô Tận Ý liền mở chuỗi ngọc bằng châu báu đeo nơi cổ để cúng dường. Bấy giờ Ngài Trì Địa liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật : “Nếu biết có chúng sanh nào nghe Phẩm Quán Thế Âm Bồ tát đạo nghiệp tự tại, Phổ Môn thị hiện sức thần thông này thì phải biết công đức người đó chẳng ít”.

Phẩm này xưng tán công đức của Quán Thế Âm Bồ Tát như một vị Bồ Tát hiển linh, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của chúng sinh. Chỉ cần niệm danh hiệu là Ngài sẽ xuất hiện để cứu giúp. Bất cứ nạn gì cũng cứu được. Trong khi đó, theo Đạo Phật thì mỗi người đều phải Tự Độ, không dựa vào tha lực.

Theo cách thức Quán soi của người tu theo Chánh Pháp, thì trong Tâm của mỗi người luôn có 3 tình trạng : PHẬT, tức là những tư tưởng đã thanh tịnh. CHÚNG SINH là những tư tưởng còn xu hướng xấu, ác, muốn toan tính làm những chuyện bất chính hoặc hại người. BỒ TÁT là những tư tưởng luôn theo dõi để giáo hóa, cứu giúp, khuyên nhủ, hướng dẫn Chúng Sinh cho nó chịu cải tà quy chánh, gọi là Độ Sinh.

Đức Phật gọi những tư tưởng đã thanh tịnh. Thường khuyến nhủ, giáo hóa những tư tưởng còn ô nhiễm là Bồ Tát. Mỗi Bồ Tát được giao cho một nhiệm vụ riêng. BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM chuyên lắng nghe những cái Khởi của Chúng sinh trong Tâm để kịp thời can ngăn, giáo hóa, không để nó đưa ra hành động. Cái tên QUÁN THẾ ÂM tức là luôn lắng nghe, Quán sát những âm thanh của thế gian.

Sở dĩ chúng sinh không phải chịu những tai nạn, là nhờ trước đó Bồ Tát đã giáo hóa, giải thích, ngăn nó, nói cho nó biết là nếu nó làm những điều đó sẽ đưa đến hậu quả như thế nào ? để nó sợ mà không đưa tới hành động xấu. Không gieo Nhân Xấu thì Quả xấu sẽ không đến. Kinh viết đó là do Bồ Tát Cứu độ

cho. Không phải là đang bị hỏa hoạn hay rơi xuống nước mà chỉ cần niệm danh hiệu Bồ tát là sẽ được cứu !

Đạo Phật là Đạo Nhân Quả, mỗi người phải ý thức nhân Quả để mà Tự Độ. Phật không phải là Thần Linh nên không có cứu độ tín đồ như các Giáo Chủ của một số Tôn Giáo khác. Do đó, không lý nào từ đầu Kinh đến đây toàn nói về Tự Độ, Các Bồ Tát, Phật cũng từ Đất Tâm hiện ra, tự nhiên đến đây có một Bồ Tát bên ngoài hiển linh có thể cứu độ cho tất cả mọi người, chỉ cần niệm danh hiệu là tất cả những lời cầu xin đều được đáp ứng !

Phật là để nói về sự thanh tịnh, Giải Thoát mà người tu hành sau khi điều phục, hóa giải, chuyển hóa tất cả những tư tưởng còn động loạn, còn nhiễm những tính chất xấu, trở thành tốt. Bồ Tát chỉ là những nhân vật hư cấu mà Đức Thích Ca đặt ra để tả những sự “đấu tranh tư tưởng” trước khi đưa đến một hành vi xấu, có hại cho người khác rồi bản thân người làm sẽ phải chịu hậu quả. Đó là sự giáo hóa tự trong nội tâm, nhằm diệt những mầm móng xấu từ khi vừa KHỞI Ý, không để cho ý muốn thực hiện ý đồ xấu đưa đến hành động để không mang lại hậu quả xấu. Do đó, không thể có những Vị Phật hay Bồ Tát bên ngoài để cho chúng ta Cầu Xin rồi chờ mong được cứu, vì nếu vậy thì Đạo Phật không còn là Đạo Nhất Thừa hay Phật Thừa, mà trở thành Nhị Thừa giống như các Tôn Giáo Thần Quyền khác.

Sở dĩ Kinh ca tụng uy lực của Bồ Tát Quán Thế Âm như thế là để mỗi chúng ta nên nghĩ nhớ đến để lắng nghe những cái

sinh khởi – gọi là chúng Sinh – từ ở trong Tâm của mình. Nếu chúng ta luôn lắng nghe, không để cho những tư tưởng xấu được khởi lên, hoặc vừa móng khởi là đã dập tắt, là trong ta luôn có Bồ Tát Quán Thế Âm túc trực để “Cứu Khổ, cứu nạn”, không để cho cái Khổ, cái Nạn được diễn ra vậy.

PHẨM ĐÀ LA NI (26)

Phẩm này nói về công đức của người đọc tụng, biên chép quyển Kinh PHÁP HOA được Dục Vương Bồ Tát cho chú ĐÀ LA NI để giữ gìn. Nếu có người xâm hủy vị pháp sư đọc Kinh PHÁP HOA thì đó là xâm hủy các Đức Phật. Nhiều vị khác cũng cho chú để hộ trì người đọc tụng Kinh Pháp Hoa được an ổn, là các sự khổ hoạn.

ĐÀ LA NI là tiếng Phạn. Trung Hoa dịch là Tổng Trì. Nghĩa là *Tổng Trì tất cả các Pháp Môn, hàm nhiếp vô tận giáo lý, hạnh quả, lại trì giữ các Thiện không mất, Trì giữ cho cái Ác không sanh*”.

Do các dịch giả ngày trước thấy ghi là Chú, nên tưởng là chỉ cần đọc lên là linh ứng, vì thế họ không dịch ra tiếng Việt, mà dùng đó để khuyên bá tánh nên tụng hàng ngày để cầu xin được phù hộ, cho là rất linh ứng, cầu gì được đó. Trong khi đó, Cư Sĩ Huỳnh Bá Hình lúc nhỏ đã từng thắc mắc, tìm hiểu mà hỏi thì các Sư cũng không giải thích được, còn cho là càng không hiểu thì tụng Chú càng linh ứng, nên ông tự đi học tiếng Phạn rồi dịch ra, thì hóa ra toàn bộ chỉ là khuyến tu.

Xin trích nguyên văn CHÚ ĐẠI BI được Cư Sĩ Huỳnh Bá Hình Việt Dịch như sau :

Thành kính đánh lễ Ngõ Tam Bảo, Thành kính đánh lễ Đức Quán Tự Tại, Đức Quán Thế Âm, bậc Bồ Tát Giác Ngộ Hữu Tình – bậc Đại Sĩ – Bậc Đại Bi Tâm. Tán thán việc quy y nhất thiết Thánh Chúng và Chánh Pháp tùy thuộc.

Sau khi hoàn tất việc đánh lễ Đức Quán Tự Tại Quán Âm Đại Từ Tâm Địa tiếp đến thành kính đánh lễ Bậc Đại Chí Thánh, bậc Hiền Thiện Tôn Giả. Phóng ra ánh sáng đại quang minh khiến cho hết thảy chúng sanh nhất thiết được vô ưu vô tỷ bỉ, vô Tham và trong sạch diệu tịnh. Bậc đồng tử mà Trời và người đều hằng mong thân cận.

Thần chú tuyên ra : Hợp nhất thể đại đồng với Quán Tự Tại, từ người phát Đại Bi Tâm đến nhất thiết các Đại Giác Hữu Tình như hoa thanh tịnh vô nhiễm lan ra khắp nơi chốn, phát Đại Tự Tại Tâm hằng hái thường tạo nên các Thiện Nghiệp mới có năng lực độ thoát khỏi các triền phược vượt thẳng lên được, phải ráng sức duy trì cho có được tâm kiên cố dung mãnh tự tại, lâu dần khiến cho biến hóa dẫn đến sự Giải Thoát vô nhiễm. Nương theo đó mà thực hiện Hoàng Pháp hỡi vị Pháp Vương Tử chủ của hòa bình Tiếp tục tu hành, tiếp tục làm sạch Thân và làm sạch Tâm. Thanh tẩy Thân Tâm. Kiên cố lên, dũng mãnh lên, rục rữ lên không thôi, không gián đoạn. Giác ngộ, giác ngộ mau, hỡi người có căn cơ Chứng Giác. Với Tâm Đại Từ Đại Bi khi người đã thành tựu, có được danh tiếng cũng do Tâm Từ Bi

đó. Thành tựu do Tâm Đại Từ Bi phát ra. Thành tựu trong việc Giải Thoát tương ứng với vạn pháp, thành tựu trong đức hạnh, thành tựu trong diệu nghĩa vô cấu, thành tựu không ai có thể sánh khi nói ra có sức thuyết phục, thành tựu không ai có thể sánh trong tất cả các ý nghĩa sâu sắc, thành tựu không ai sánh trong việc Chuyển Pháp Luân, thành tựu không ai sánh trong đóa Sen Đỏ tượng trưng cho Diệu Tịnh Nghiệp. Thành tựu trong việc trở thành Đức Thế Tôn. Thành tựu trong việc đem uy đức của mình tạo ra tín nhiệm cho mọi người.

Thành Kính đánh lễ ngôi Tam Bảo, thành kính đánh lễ Đức Quán Tự Tại, Quán Thế Âm.

Tuyên chú : Hiệp nhất các thành tựu trên viên mãn, đạt được sự viên mãn thành tựu đó qua trì tụng lời chơn ngôn này”.

Rõ ràng là những lời khuyên người tu hành phải “Phát những Tâm Đại Bi, Đại từ, Đại Tự Tại. Giữ cái Tâm kiên cố, dũng mãnh, tự tại và hăng hái thanh tẩy Thân và Tâm, tạo Thiên Nghiệp. Cứ kiên cố, dũng mãnh không thôi, không gián đoạn thì sẽ thành tựu trong việc Chuyển Pháp Luân để Hoa Sen Đỏ được nở tượng trưng cho Diệu Tịnh Nghiệp, trở thành Đức Thế Tôn”.

Toàn bộ 36 câu không có câu nào dạy cầu xin được phù hộ mà chỉ khuyến tu hành tinh tấn, dũng mãnh để trở thành Đức Thế Tôn.

Rốt cuộc là CHÚ ĐẠI BI dạy cho người đọc cách thức tu hành, hợp nhất với các Đại Bồ Tát để trở thành Phật, đâu có phải

tụng Chú để Cầu xin như những người Nhị Thừa đã hướng dẫn cho nhiều Phật Tử?

Do đó, có những điều người xưa phổ biến, nếu thận trọng thì chúng ta nên xem kỹ lại. Nếu có chỗ nào dạy cầu xin, nương tựa thì đó không phải là Giáo Pháp của Đức Thích Ca, mà là của những người mang danh tu hành theo Đạo Nhất Thừa, nhưng mê tín chưa bỏ được, cứ thích cầu xin, nương tựa vậy.

PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỐN SỰ (27)

Phật bảo từ xa xưa có Phật tên Vân Lô Âm Tú Hoa Vương Trí Như Lai. Nước đó tên Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên Hỷ Kiến.

Trong pháp hội của Phật đó có vua tên Diệu Trang Nghiêm, Phu Nhân của vua tên là Tịnh Đức. Vua có hai người con TỊNH TẠNG và TỊNH NHÃN. Hai người này có sức thần thông lớn, phước đức trí huệ. Từ lâu tu đạo hạnh Bồ Tát, là : Thí Ba La Mật, Giới ba La Mật, Nhẫn Nhục ba La Mật, Tinh Tấn Ba La Mật, Thiền Ba La Mật, Trí Huệ ba La Mật, Phương Tiện ba La Mật, Từ Bi Hỷ Xả Ba La Mật và 37 Phẩm trợ Đạo đều rành rẽ. Đặt các môn Tam Muội.

“ Đức Phật muốn dẫn dắt vua nên giảng kinh PHÁP HOA. Hai người con xin phép mẹ đến nghe thì người mẹ nói với hai con nên rủ cha cùng đi.

Do người cha tin theo ngoại đạo, nên người mẹ khuyên hai con nên thị hiện phép thần thông biến hóa, để cho người cha thấy sẽ chịu qua đến chỗ Phật.

Hai người con thương cha nên thị hiện các món thần thông. Khi thấy con có phép thần thông biến hóa người cha rất vui mừng hỏi xem Thầy của các con và nói rằng muốn đến gặp. Hai người con báo tin với mẹ là đã mời được cha, đồng thời xin mẹ cho xuất gia tu hành thì người mẹ bằng lòng và nói với các con : “Phật khó gặp, thời kỳ gặp Phật cũng khó”.

Đức Phật nói Pháp cho họ nghe. Vua và phu nươn liền mở chuỗi Trân châu đeo nơi cổ để cúng dường Phật, sau đó giao nước cho em rồi cùng phu nươn và hai người con xuất gia tu hành. Vua siêng năng tu hành tinh tấn và khen ngợi hai người con là Thiện tri thức vì có thần thông biến hóa xoay tâm tà của vua, làm cho an trụ trong Phật Pháp”.

Trong Pháp Trích Lục của Phật Giáo Nguyên Thủy thì những người Ngồi Thiền khi cái Tâm an định thì có được những thì có được 5 lợi ích :

1/-Các Phép thần thông : Với phép mầu Thần thông, Thầy Tỳ Kheo có thể bay trên hư không, đi trên mặt nước, chui xuống đất, hóa hình v.v..

2/- Thiên Nhĩ Thông. Với phép mầu này, thầy Tỳ Kheo có thể nghe được tiếng của Chư thiên và tiếng của người bất cứ xa hay gần.

4/- Tha Tâm Thông. Với phép mầu này, Thầy tỳ Kheo có thể đoán biết được tư tưởng kẻ khác.

4/- Túc mạng minh. Với phép mầu này, Thầy Tỳ Khưu thấy rõ cách sanh diệt của tất cả chúng sanh. Người thấy các sanh vật được sanh lên rồi bị diệt. Diệt rồi lại tái sanh, trong mỗi kiếp được vui hay khổ, sang hay hèn tùy theo Duyên Nghiệp. Người thấy rõ rằng chúng sanh nào có tà kiến hay khinh rẽ các bậc hiền triết, hằng làm việc dữ do Thân, Khẩu, Ý mà sau khi chết phải chịu khổ nơi địa ngục. Còn chúng sanh có Chánh kiến, biết kính trọng những bậc hiền triết, hằng làm việc lành do Thân, Khẩu và Ý, sau khi chết được hưởng quả vui nơi cõi trời.

5/- Lậu tận minh. Với phép mầu này, Thầy Tỳ Khưu thấu rõ được Lý TỨ DIỆU ĐẾ và phương pháp diệt trừ phiền não Tham, Sân, Si. Người biết rằng : Đây là sự Khổ, đây là sự Diệt Khổ và đây là con đường Diệt Khổ. Người biết rằng đó là nguyên nhân làm cho phát sanh phiền não và đó là con đường để tẩy trừ phiền não. Khi Thầy Tỳ Khưu thấu rõ lý Tứ Diệt Đế và phương pháp trừ phiền não rồi thì tâm người được thoát khỏi những sự Tham Dục, Sân Hận, Si Mê và màn Vô Minh cũng bị diệt tận, đạt Trí Huệ Giải Thoát. Thầy Tỳ Khưu biết rằng đời đạo đức mình đã sống đầy đủ, việc nên làm mình đã làm rồi và chẳng còn phận sự gì trên thế gian nữa.

Trong 5 Phép mầu này, người tu cần 2 cái cuối, vì nó có ích cho Con Đường Giải Thoát. Ba cái trên, người Ngồi Thiền có thể có được, thí dụ như Tha Tâm Thông, đoán biết tâm ý của người khác thì đa phần ai Ngồi Thiền một thời gian cũng có thể có,

nhưng nó không làm ích lợi gì cho con đường tu hành. Ngược lại, người tu nào có được thì mà thích thú với nó sẽ bị trì trệ trên con đường tu tiến, nên phần nhiều, những người Thầy chân chính đều khuyên người Ngồi Thiền nên dẹp những cái thấy trước thấy sau đó đi, vì chỉ làm mất thì giờ vô ích.

Thời Đức Phật tại thế cũng không cho đệ tử phô trương các phép thần thông, vì những thứ đó không có ích lợi gì cho công việc tu hành. Nhưng ở Phẩm này, vì người cha tin theo ngoại đạo nên người mẹ khuyên các con biểu diễn Phép Thần Thông như bay lên hư không, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hiện lớn đầy trên hư không rồi nhỏ lại..làm cho vua cho sinh lòng tin thanh tịnh và muốn đến gặp Phật rồi phát tâm cầu đạo. Hai người con sau khi thuyết phục được cha thì xin phép mẹ cho xuất gia. Họ cùng nhau đến ra mắt Phật. Vua và phu nhân mở chuỗi chơn châu đeo nơi cổ để rải trên Đức Phật. Phật thọ ký cho vua sẽ đặng làm Phật.

Vua liền đem nước giao cho em rồi cùng phu nhân, hai người con và các quyến thuộc xuất gia tu hành. Vua nói rằng nhờ hai người con đã làm Phật sự, dùng thần thông biến hóa, xoay tâm tà của vua làm cho vua được an trụ trong Phật pháp nên hai người con này là Thiện Tri Thức của vua, vì muốn lợi ích cho vua nên thọ sanh vào làm con vua.

Phật bảo đại chúng là Vua chẳng phải ai xa lạ mà chính là Hoa Đức Bồ Tát. Hai người con là Dục Vương và Dục Thượng đã ở chỗ vô lượng trăm nghìn ức các Đức Phật trông coi công đức.

PHẨM PHỔ HIỂN BỒ TÁT (28)

Lúc bấy giờ Ngài Phổ Hiền Bồ tát cùng các Đại Bồ tát từ Phương Đông mà đến, các nước đi qua khắp đều rung động, rải hoa Sen báu, thổi vô lượng kỹ nhạc đến để nghe Phật nói Kinh Pháp Hoa. Họ hỏi Phật sau khi Như Lai diệt độ thì thế nào có thể nghe đặng Kinh PHÁP HOA ?

Phật bảo : Thiện Nam Tử, thiện Nữ nhen nào thành tựu Bốn Pháp thì đặng nghe kinh Pháp Hoa :

Một là được các Đức Phật hộ niệm. Hai là trông các cõi công đức. Ba là vào trong Chánh Định. Bốn là phát lòng cứu tất cả chúng sanh.

Người nào hành Bốn Pháp trên, sau khi Như Lai diệt độ quyết đặng Kinh này.

Ngài Phổ Hiền bạch Phật : *“Năm trăm năm sau trong đời ác trược, nếu có người thọ trì Kinh điển này, con sẽ gìn giữ, trừ các sự khổ họa làm cho an ổn, không ai hại được. Người đó đi đâu con cũng sẽ hiện thân để cúng dường, an ủi cùng để cúng dường Kinh Pháp Hoa. Nếu người đó suy nghĩ Kinh này có quên câu nào con sẽ cùng đọc tụng làm cho thông thuộc”*.

“Nếu đời sau có người đọc tụng, biên chép muốn tu tập thời trong 21 ngày phải một lòng tinh tấn. Con sẽ dùng chú Đại đà La Ni này để bảo hộ. Nếu có người thọ trì ghi nhớ chơn chánh đúng như lời tu hành phải biết người đó tu hạnh Phổ Hiền ở nơi vô lượng các Đức Phật trồng cội lành hướng là thọ trì đọc tụng nghĩ nhớ chơn chánh đúng như lời mà tu hành. Người này chẳng bao lâu sẽ đến Đạo tràng phá các chúng ma, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu thấy người thọ trì Kinh điển này phải kính như Phật”.

“Nếu có người thọ trì tụng ghi nhớ chơn chánh, hiểu nghĩa thú trong Kinh, đúng như lời mà tu hành thì phải biết người đó tu hạnh Phổ Hiền, ở nơi vô lượng các Đức Phật sâu trồng cội lành, được các Như Lai lấy tay xoa đầu. Nếu chỉ biên chép thì mạng chung sẽ sanh trên trời Đạo Lợi.”

“Nếu thấy có người thọ trì tụng Kinh Pháp Hoa thì phải nghĩ rằng người này chẳng bao lâu sẽ đến đạo tràng, phá các chúng ma thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân, đánh pháp cổ, thổi pháp loa, rưới pháp vũ, sẽ ngồi trên tòa sư tử trong đại chúng trời người.

Người đó chẳng còn ham ưa y phục, giường nằm, những vật nuôi sống, chỗ mong cầu chẳng luống, ở trong hiện đời đặng phước báo đó. Nếu thấy người thọ trì kinh điển này phải kính như Kính Phật”.

Phẩm này kinh nói về công đức của người thọ trì Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA. Nhiều lần Kinh nhắc : *“Nếu hiểu nghĩa thú trong Kinh, đúng như lời tu hành”* thì người đó tu hạnh Phổ Hiền, chẳng bao lâu sẽ thành Phật, không phải là mang Kinh ra tụng cho nhiều, hay ấn tống Kinh thì sẽ được phước như nhiều Phật Tử vẫn tin.

Tóm lại. DIỆU PHÁP LIÊN HOA có nghĩa là Pháp vi diệu để sinh HOA SEN, mà HOA SEN tượng trưng cho kết quả GIẢI THOÁT của ĐẠO PHẬT.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA cũng gọi là Kinh “Giáo Bồ Tát Pháp”, vì dạy cho hàng Thanh Văn để họ bước sang địa vị Bồ Tát, làm công việc Độ Sinh để thành Phật, mà Thành Phật có nghĩa là được Giải Thoát khỏi Phiền Não dù vẫn tiếp tục sống chung với nó, như Hoa Sen sống trong bùn mà không bị bùn làm cho ô nhiễm.

Đọc Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA ta sẽ hiểu vì sao Thanh Văn bị gọi là “Chôi khô, mộng lép”. Là vì thời gian đầu, Phật thấy con người cuộc sống không dài, chỉ chừng 100 năm mà vì đeo bám các Pháp của trần gian, nào là Danh, lợi, tình, vật chất mà phải bị đủ thứ cảnh KHỔ dập vùi. Do thấy các Pháp là THẬT CÓ. Có Ta, Có Người, Có những thứ mà ta ghét bỏ. Có những thứ mà ta yêu thích nên phải tìm cách này, cách khác để tranh giành cho bằng được. Chính vì vậy mà gia đình, xã hội hỗn loạn, gây ra bao

nhiều cảnh đau buồn làm cho con người phải Khổ, trong khi cuộc sống chỉ kéo dài nhiều lắm là trăm năm rồi sẽ kết thúc.

Nhưng điều mà con người không ngờ là mỗi chúng ta đều có cái CHÂN TÁNH. Cái Chân Tánh này trường tồn. Bất Sanh, Bất Diệt. Vì thế, cái Chết chỉ là sự kết thúc của cái Thân mọi người đang mang. Cái Chân Tánh không có bị ảnh hưởng, nhưng sau khi bỏ cái Thân này đi mỗi người lại phải nhận lấy một cái Thân khác để Trả những gì đã gieo, gọi là TRẢ QUẢ, nếu lúc sống làm những điều Ác. Vì vậy, Phật dạy cho người tu Quán Sát Các Pháp, để thấy rằng cuối cùng TẤT CẢ PHÁP ĐỀU SẼ TRỞ VỀ KHÔNG, để con người đừng tiếp tục đeo bám Các Pháp, rồi Tạo Nghiệp để vì đó mà phải khổ. Một mặt đi tìm cái CHÂN TÁNH của mình để Thoát Sinh Tử.

Khi Quán sát Các Pháp và thấy đúng như lời Phật dạy : Tất cả Các Pháp cuối cùng rồi cũng trở về KHÔNG, nên hàng Thanh Văn Chấp vào cái Thấy này, cho rằng CÁC PHÁP LÀ KHÔNG.

Do thấy CÁC PHÁP LÀ KHÔNG nên Họ bỏ được cái CHẤP CÓ trước kia, không còn tạo Nghiệp nữa. Nhưng đồng thời cũng thấy rằng CÁC PHÁP LÀ KHÔNG thì cần gì tu hành, học hỏi, quán sát, tư duy gì thêm nữa ? Do không tiếp xúc với Các Pháp nên được sự thanh tịnh, vì thế, các vị cho rằng đã đạt Quả Vị A La hán, là rốt ráo Niết Bàn.

Thế là họ xa lánh cuộc đời, tìm chỗ thanh tịnh, hoặc núp sau cửa Chùa, bỏ hết mọi việc đời, không làm ăn, sinh hoạt, không

tiếp xúc với người đời. Mọi gánh nặng cơm áo gạo tiền trút hết cho thí chủ. Từ đó, cả kiếp tu hành của họ chỉ tụng kinh, Ngồi Thiền, học pháp, để giảng cho bá tánh. Kể cả suy nghĩ cũng không dám, vì cho rằng có Khởi Tâm là Thất Niệm !

Họ để kiếp sống trôi qua một cách vô ích. Ngày ngày chỉ tụng Kinh, Niệm Phật để chờ hết kiếp sẽ được về với Phật A Di Đà ở Tây Phương Cực Lạc, vì thấy Kinh viết ở đó toàn là Bảy báu. Nhìn đâu cũng thích mắt, nghe toàn âm điệu vui tai ! Không chỉ riêng bản thân họ suy nghĩ và làm như thế. Bao thời qua họ đã lôi kéo biết bao nhiêu lớp người còn trẻ, có những nghề nghiệp có thể giúp ích cho đời, chệ thế gian là ô trược, xúm nhau Ly Gia, Cắt Ái, rời bỏ gia đình và cuộc sống trần gian để vô Chùa, để rồi sống một thế giới riêng bên lề cuộc đời, không quan tâm gì đến mọi diễn tiến của xã hội và con người chỉ chờ ngày về Niết Bàn !

Cuộc sống như vậy rõ ràng là rất ích kỷ, chỉ cầu về Niết Bàn cho bản thân, nên chẳng những họ né tránh cuộc đời, bỏ mặc xã hội, cuộc đời cho người khác xây dựng hay phá hoại, còn bắt người đời – *những người mà họ cho là còn chìm đắm trong vòng tục lụy, là Thí Chủ* – phải cung phụng cho họ từ A đến Z để họ được nhàn nhã mà tu hành với danh nghĩa là phụng sự cho Phật ! Cuộc sống như thế không có ích cho bản thân mà cũng không làm gì được cho cuộc đời. Sống mà để chờ chết, nên Phật gọi họ là “Chôi khô, mộng lép”.

Trong khi đó, thực tế là CÁC PHÁP HIỆN ĐANG CÓ, nhưng vì không thật, không trường tồn, lúc nào đó sẽ hư hoại, nên Phật gọi là TẠM CÓ. Mọi người vẫn phải sống với cái TẠM CÓ này cho đến hết kiếp, không thể trốn chạy hoặc tránh né. Vì vậy, mục đích Tu Phật là để làm thế nào sống với Các Pháp TẠM CÓ đầy Phiền não này, mà không bị Phiền Não vùi dập, được an ổn, hạnh phúc cho đến hết kiếp. Sự thành công được ví như Hoa Sen, sống giữa bùn mà không vương mùi bùn.

Đúc kết CON ĐƯỜNG TU PHẬT được thuyết giảng trong Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA ta thấy như sau :

Hàng THANH VĂN là những người đã theo học với Phật một thời gian khá dài, đã thực hành những Pháp như : GIỚI, ĐỊNH, TUỆ, GIẢI THOÁT, GIẢI THOÁT TRI KIẾN, nên THẤY ĐƯỢC CÁC PHÁP LÀ KHÔNG, mà trước đó Phật dạy rằng NGƯỜI THẤY ĐƯỢC CÁC PHÁP LÀ KHÔNG THÌ ĐẮC QUẢ A LA HÁN.

Họ đã bỏ được CÁI CHẤP CÓ, không còn mê đắm trần cảnh. Nhưng CHẤP CÁI KHÔNG là không thực tế. Vì CÁC PHÁP ĐANG CÓ . Vì vậy, Phật phải đưa họ trở về thực tế, chấp nhận là CÁC PHÁP ĐANG TẠM CÓ, và chỉ cho họ cách giải quyết Các Pháp để không còn bị nó làm Khổ nữa. Phương Pháp để giải quyết Phiền não trở thành thanh tịnh, Giải Thoát, được gọi là DIỆU PHÁP LIÊN HOA, là Pháp Vi Diệu để Sinh HOA SEN, tượng trưng cho Giải Thoát.

Muốn vậy, Phật dạy cho họ tiếp tục quán sát Các Pháp để thấy : Trong cảnh TẠM CỐ này, có CÁI THÂN của TA và CÁC PHÁP thuận hay nghịch mà mỗi người phải đối mặt hàng ngày. Chính vì THẤY CÁI THÂN LÀ MÌNH, nên khi đối pháp, mỗi chúng ta đều có KHỞI lên những tư tưởng : Thấy hợp với mình thì muốn có nhiều, muốn thu gom càng nhiều càng tốt để hưởng thụ. Có khi bất chấp thủ đoạn. Điều này Đạo Phật gọi là THAM. Không vừa ý thì nóng giận, Phật gọi là SÂN.

Cái cho rằng THÂN LÀ MÌNH, Phật gọi là SI hay VÔ MINH. Vì theo Phật, Cái Thân chỉ là món vay mượn của Tứ Đại, nhờ Duyên kết hợp của cha và mẹ mà thành hình. Tồn tại một thời gian nhiều lắm là 100 năm, mục đích là để TRẢ những gì Thân trước đã gieo. Vì vậy, nó không phải là MÌNH, mà chỉ là cái THÂN DUYÊN NGHIỆP CỦA MÌNH, chỉ đi theo mình kiếp này. Khi hết nợ, hết Duyên thì sẽ phải hoàn trả lại cho Tứ Đại. Vì vậy NÓ là CÁI GIẢ NGÃ, tức là CÁI TA GIẢ, không phải CÁI TA THẬT. Do vậy không có lý do nào phải chịu theo mọi sở thích của LỤC CĂN (Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý) để rồi tiếp tục tạo Nghiệp mà phải chịu đọa.

Nhưng xét cho kỹ thì LỤC CĂN không tự mình hành động, mà do một Chủ Nhân Vô Tướng, cũng ở trong cái Thân sai khiến. CHỦ NHÂN này Phật gọi là CÁI TÂM. Chính nó vì MÊ LẦM nên cho CÁI THÂN LÀ TA, rồi sai lục Căn làm nhiều hành vi sai quấy để phục vụ cho cái TA đó. Do những hành vi Xấu đã TẠO NGHIỆP, làm duyên cớ cho CÁI THÂN SAU phải rơi vào các đường xấu (ĐỊA

NGỤC, NGẠ QUỶ, SÚC SINH), mà khi đã rơi vào những con đường này rồi thì cơ duyên trở lại làm người rất khó.

Nhờ thời gian 49 ngày đêm Thiên Định dưới cội Bồ Đề, Đức Thích Ca đã nhận ra kẻ đã xây nên NGÔI NHÀ SINH TỬ, làm cho con người hết SINH, lại TỬ. Tử rồi lại Sinh theo Vòng Luân Hồi chính là Cái VỌNG TÂM. Tu Phật là phải chuyển cái VỌNG TÂM thành CHÂN TÂM.

Nhưng chuyển cách nào ? Nếu Diệt bằng cách cho nó ngừng hoạt động (DIỆT TẬN ĐỊNH) thì con người trở thành vô tri, vô giác, không khác nào cây cỏ vô tri. Do đó, chỉ cần Phá CÁI MÊ Chuyển MÊ thành NGỘ. Công việc này gọi là Điều phục hay Chuyển hóa nó cho nó hết MÊ, để không còn sai Lục Căn làm quấy mà Tạo Nghiệp nữa. Muốn cho nó hết MÊ thì phải có Giáo Pháp để KHAI TÂM cho nó. Do đó mà phải học TỬ DIỆU ĐẾ

Trong TỬ DIỆU ĐẾ, Đức Phật phân tích rõ từng ĐẾ để người tu nương theo đó mà củng cố phần Lý, sau đó mới đưa và Hành, gọi là Sự.

1/- KHỔ ĐẾ là tất cả những nỗi KHỔ mà con người phải gặp trong kiếp sống. Nào là Cầu không được. Người thương thì xa cách mà kẻ oán ghét lại cứ phải gặp gỡ.

2/- TẬP ĐẾ : Người tạo ra Nghiệp rồi theo Nghiệp mà sinh ra. Vòng quanh như thế trong Luân Hồi.

3/- DIỆT ĐẾ : Dùng Trí Huệ để diệt hết những nỗi Khổ.

4/- ĐẠO ĐẾ : Tức là BÁT CHÁNH ĐẠO. Sửa từ ý nghĩ cho đến hành động để cả THÂN LẮN TÂM, nghề nghiệp kiếm sống đều Chân Chánh. Có vậy thì mới cắt đứt được Vòng Luân Hồi.

Người muốn Thoát Khổ còn phải học để biết nguyên nhân đã gây nên SINH TỬ LUÂN HỒI gồm 12 chuỗi việc chuyễn níu với nhau gọi là THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN, mà mắc xích quan trọng là VÔ MINH. Cắt được mắc xích VÔ MINH thì vòng đó sẽ tan rã. Chỉ có TRÍ HUỆ mới trừ được VÔ MINH. Đó là lý do trong Kinh viết là Trưởng Giả có ngôi nhà rộng lớn nhưng chỉ có MỘT CỬA ĐỂ RA VÀO. Cửa đó chính là TRÍ HUỆ. Người tu hành thiếu TRÍ HUỆ thì sẽ không thành công được.

TRÍ HUỆ là sự hiểu biết về SINH TỬ, về cách thức để Giải Thoát. Biết Sinh Tử là do VÔ MINH thì dùng dao TRÍ HUỆ để cắt. Vô Minh nằm ở trong CÁI TÂM MÊ thì phải biết cách để PHÁ MÊ bằng QUÁN SÁT, TƯ DUY.

Tư Duy rất quan trọng cho con đường tu hành. Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN viết : *"Tất cả pháp lành đều do Tư Duy mà được. Vì có người dù trải qua vô lượng vô số kiếp chuyên tâm thính pháp. Nếu chẳng TƯ DUY thời trọn không thể được VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ".*

Vì sao không Tư Duy thì không thể được Vô Thượng Bồ Đề ? Bởi một lẽ dễ hiểu. Trước hết nếu không Tư Duy thì đâu có thấy cuộc đời là KHỔ ? Đã không sợ KHỔ thì đâu có muốn tu hành để Thoát Khổ ? Phát Tâm rồi mà không biết Khổ trú ngụ ở đâu ? Tháo gỡ cách nào ? thì làm sao tháo gỡ để được Giải Thoát ?

Từng giai đoạn người tu phải tự đặt câu hỏi, rồi quán sát, Tư Duy hoặc hỏi Thiện Tri Thức để có câu trả lời, vì không chỉ đơn giản nghe người khác thuyết rồi chấp nhận. Khi có câu trả lời thì phải đối chiếu với lời Chư Tổ trong Chính Kinh để xem ta thấy có đúng chưa ? Bởi vì Chư Tổ là những vị Giác Ngộ đi trước, đã để lại La Bàn, Bản Đồ, cấm mốc cho người sau noi theo. Chúng ta có thể nương sự hiểu biết đó để tiến tu mà không sợ lạc lối.

Bệnh ở đâu thì chữa ở đó. Phật dạy “HỮU THÂN HỮU KHỔ”. Do có CÁI THÂN mà phải KHỔ. Người tu theo hướng dẫn của Đạo Phật để quán sát về CÁI THÂN sẽ thấy : Nó chỉ là THÂN NGHIỆP, không phải là MÌNH. Vậy thì cái nào mới là MÌNH THẬT ?

Tiến hành quán sát cái THÂN, chúng ta sẽ thấy : Trong THÂN có phần VÔ TƯỚNG là cái THỨC hay CÁI TÂM hay Thiên Chúa Giáo gọi là LINH HỒN. Dù các tôn giáo gọi bằng nhiều cái tên khác nhau. Nhưng tất cả đều công nhận là ngoài cái Thân Tứ Đại nhìn thấy bằng mắt, thì mỗi người còn có phần Vô Tướng không thể nhìn thấy, đi song hành với Cái Thân. Khi cái Thân chết, phần tinh anh đó, hoặc đi lên Thiên Đàng hay Niết Bàn hoặc xuống Địa Ngục để chịu phạt tùy theo những gì mà Thân trước đã làm.

Bởi vì chính cái Thần Thức hay Bản Thể Tâm đó chính là chủ nhân điều khiển cho Lục Căn làm những việc tốt hay xấu gọi là THIỆN NGHIỆP hay ÁC NGHIỆP. Vì thế, khi tu hành thì người tu phải chỉnh sửa, hay còn gọi là ĐIỀU PHỤC CÁI TÂM. Không cần Điều phục Cái THÂN, vì cái Thân chỉ là tai sai của cái Tâm. Tâm

như Vua là người đứng đầu một nước. Khi Vua đã bị thu phục rồi thì quan, dân trong nước đều phải theo. Do đó mà khi Tu Phật thì phải TU TÂM.

Quán sát cái TÂM ta sẽ thấy : Trong cái TÂM có vô số ý nghĩ, tốt có, xấu có, nên Phật gọi là PHÀM THÁNH ĐỒNG CƯ. Tu tức là SỬA. Sửa những cái Xấu, cái Ác, cho nó CẢI TÀ QUY CHÁNH, CẢI ÁC HÀNH THIỆN.

Khi Quán sát cái Tâm, Đức Thích Ca thấy trong đó có vô số ý tưởng lăng xăng khởi, diệt không ngừng. Ngoài những tư tưởng còn mang tính xấu, ác, Ngài đặt tên là Chúng Sinh. Trong đó một loại tư tưởng Thiện, làm nhiệm vụ can ngăn, khuyên nhủ cho những tư tưởng khuynh hướng xấu, chịu bỏ đi ý định xấu đi, Ngài gọi là Bồ Tát. Mỗi lần can ngăn được một Chúng Sinh, cho nó chịu phục thiện thì gọi là Bồ Tát “Cứu độ được một Chúng Sinh” hay là “Đưa được một Chúng Sinh về Phật Quốc”, hoặc là “Cúng dường một vị Phật”. Suốt một kiếp, mỗi người tu đã đưa được “Vô lượng vô số Chúng Sinh Thành Phật” hay “Cúng dường vô lượng Phật, Bồ Tát” , nhiều như số cát Sông Hằng là như thế.

Người tu phải cải hóa cái ĐẤT TÂM, từ nhơ bẩn, đầy gò, nong, , sỏi đá, thường luồng, hùm beo, rắn, rít trở thành thanh tịnh gọi là CÁT CHÙA. Phật Quốc là quốc độ thanh tịnh, an lạc, toàn là Phật, Bồ Tát là những Chúng Sinh đã được đưa về đó. Nước Phật cũng chứa đầy Bảy Báu, vì đó là những kết quả Thí, Xả BẢY NGHIỆP của Thân, Khẩu. Người tu sẽ “Tạc Tượng Phật” bằng

cách bắt chước làm theo những HẠNH mà Phật đã làm. Mỗi Hạnh là một Tướng. để đầy đủ Các Tướng Tốt của Phật để đền ÂN PHẬT.

Người tu Phật có TỬ ÂN phải đền đáp. Theo Đạo Phật, Phụ mẫu sinh ra rồi dưỡng nuôi cho khôn lớn, còn đào tạo cho chữ nghĩa, nghề nghiệp để hòa nhập vào xã hội. Khi ta trưởng thành thì cha mẹ đã tuổi già sức yếu, bốn phận làm con phải chăm lo để trả Ân. Ân Thầy, Ân Phật là những vị đã trao cho ta Pháp Dược để Trị Bệnh Khổ, để được Thoát Khổ, Thoát Sinh Tử thì ân đó cũng bằng sinh ta ra hàng vạn kiếp, nên ta chỉ có thể đền Ân Phật bằng cách Mồi ngọn Vô Tận Đăng, đem Ánh Sáng Chân Lý Giải Thoát mà mình đã học được phổ biến ra cho nhiều người cũng được Thoát Khổ. Đất Nước là chỗ cho ta dung thân, giữ gìn an ninh cho cuộc sống của ta được sống một cách an lành, hạnh phúc thì bốn phận ta phải học hỏi kỹ thuật, khoa học hay trau dồi nghề nghiệp để không chỉ nuôi bản thân mà còn giúp cho xã hội phát triển. Ân cả xã hội, vì trong đó có biết bao nhiêu thành phần chung tay để ta có được cơm gạo cây trái, vật dụng, phương tiện để sử dụng. Ân Chúng Sinh vì nhờ có Chúng sinh mà ta có thể hoàn tất được công việc tu hành. Do đó, chúng ta phải tùy sức mình mà đóng góp lại cho cuộc đời để đền những Ân đó.

Thật ra thì Đạo Phật không phải là một Tôn Giáo, mà chỉ là một Giáo Trình đào tạo con người. Trong đó, Phật dùng nhiều phương tiện để giúp cho con người trở thành một con người đúng

nghĩa. Biết tự mình làm chỗ dựa cho chính mình. Không mê tín, nương tựa, cầu xin, vì chẳng ai ban cho. Bản thân Phật cũng phải tu hành như mọi người. Trong đời sống, đối nhân, xử thế, không những không Tham, Sân Si mà còn Từ, Bi, Hỷ, Xả, biết yêu thương phụng dưỡng cha mẹ, Kính trọng thầy, tôn trọng, giúp đỡ mọi người, để cùng nhau được sống an vui, hạnh phúc cho đến hết kiếp. Kiếp sau lại được tốt đẹp hơn, nhờ kiếp này không gây tạo Nghiệp mà chỉ gây Nhân Thiện nhờ ý thức Nhân Quả.

Từ một cá nhân tu hành, nếu nhân rộng ra, cả gia đình, cả xã hội, cả nước, rồi nhiều nước đều được như thế, thì làm gì có chiến tranh, tàn sát lẫn nhau để giành dân, lấn đất? Tất cả đều được hưởng hòa bình, an lạc trên trái đất màu mỡ. Có thiên nhiên tô điểm bằng những khung cảnh tuyệt vời. Nào núi non hùng vĩ, thác ghềnh uốn lượn. Rừng xanh bao la, biển rộng mông mênh, cỏ hoa tô điểm thì có thua gì cảnh Bồng Lai nếu trong đó không có chiến tranh, không có người bóc lột người mà chỉ có những con người yêu thương nhau như anh em, chia sẻ với nhau mọi khó khăn, vì đồng là con của Phật hay của Thượng Đế?

1/- Về Kinh PHÁP HOA CHO LÀ “*Mở môn Phương Tiện bày tướng chân thật, xa kín nhiệm sâu, không có người đến được, nay Phật giáo hóa để thành tựu Bồ Tát mà chỉ bày cho*”, vì nơi Kinh này, khi mở đầu, Phật ca ngợi Phương Tiện. Để những người trong Pháp Hội hiểu là tất cả những gì Phật thuyết, từ trước đến

giờ, và Chư Phật từ xưa đến nay đều tùy giai đoạn, tùy sự chấp nhất của Chúng Sinh mà dùng PHƯƠNG TIỆN mục đích chỉ là ĐỂ CHỈ TRI KIẾN PHẬT CHO CHÚNG SANH mà thôi.

2/- *“Kinh PHÁP HOA là lời nói bậc nhất của Như Lai, ở trong các lời nói là rất sâu, rất sau mới ban cho. Như Vua sức mạnh kia, lâu giữ gìn viên Minh Châu nay mới cho đó”* . Vì trước kia hàng Thinh Văn là những người Xuất Gia để đi tu theo Phật. Họ phải giữ hàng mấy trăm Giới, phải độc thân, sống theo đoàn thể ở trong Chùa, nên họ nghĩ rằng phải hội đủ các điều kiện đó thì mới tu hành được. Trong Kinh này thì Phật dạy ; Nếu có người thọ trì Kinh PHÁP HOA, bất cứ ở đâu, trong vườn, trong rừng, dưới tàng cây, hoặc Tăng Phường, hoặc hàng Bạch Y, chỉ cần ĐÚNG NHƯ PHÁP TU HÀNH thì đều gần với Vô Thượng Bồ Đề. Không hề phân biệt nơi chốn.

3/- *Phải biết Kinh PHÁP HOA này rất lời ích cho các vị Đại Bồ Tát, có thể làm cho đến Đạo Vô Thượng Bồ Đề, là vì hướng dẫn cho họ CON ĐƯỜNG ĐỘ SINH. Chỉ rõ thế nào là Chúng Sinh để các vị Bồ Tát “Tận Độ Chúng Sinh” để thành Vô Thượng Chánh Giác.*

4/- Người đắc Quả A La Hán là người Thấy Các Pháp là Không, rồi được thanh tịnh, nghĩ đó là đã đạt Niết Bàn. Nhưng Niết Bàn của A La Hán là do không tiếp xúc với các Pháp để tránh Phiền Não. Trong khi đó, Niết Bàn của Phật là *“Ở trong Phiền Não mà Thoát Phiền Não”* . Do đó, các vị Thanh Văn còn

phải học hỏi, Quán Sát thêm. Nếu dừng ở Cái KHÔNG, trong khi Phật kêu phải học tiếp, thì chúng tỏ họ không còn nghe lời Phật dạy, tự cho là mình đã đầy đủ, không cần học gì thêm. Như thế, tự họ đã chối Phật, thì làm sao còn là Đệ tử của Phật ?

Kết luận : Thường thi Kinh ĐẠI THỪA nào cũng nói “Đây là Kinh cao nhất”, mục đích của Chư Tổ muốn cho người đọc tin tưởng rồi hành theo để được lợi lạc, vì trong đó, mỗi Tổ khi viết Kinh nào cũng đều muốn giảng giải thật rõ, đem tất cả những sự hiểu biết, kinh nghiệm hành trì của các Vị truyền lại, không hề dấu diếm, mục đích để Mỗi ngọn đuốc Chánh Pháp. Tuy nhiên, nếu ta chịu khó đọc nhiều Kinh, do nhiều Tổ giảng càng có lợi, vì mỗi Tổ, mỗi thời, có cách hướng dẫn riêng, dù đến cùng mục đích Giải Thoát.

Dù cuối đường tu hành chỉ là CÁI ÁC, HÀNH THIÊN, là tin NHÂN QUẢ, nhưng đọc Kinh ĐẠI THỪA chúng ta thật sự khâm phục Trí Tuệ của Chư Tổ. Để khai mở cho chúng sinh Mê lầm, các vị đã không ngại diễn tả đủ các kiểu, dù ngôn ngữ cách đây hàng ngàn năm không dễ gì nói cho người khác hiểu những thứ Vô Tướng như CÁI TÂM, như Chúng Sinh, Bồ Tát, Phật, Phật Quốc, Cúng dường Phật !

Chỉ nhìn những quyển Kinh dày cộp hàng mấy trăm trang thấy đã ngại phải đọc, trong khi đó, thời các Vị để viết được một bản thảo rồi chỉnh đĩ sửa lại khó khăn cỡ nào khi mọi thứ đều phải viết tay ! Quả là kỳ công, nếu không vì hộ trì Chánh Pháp ắt

khó làm nổi. Ngay bản thân tôi, thời đại tân tiến này, chỉ cần gõ lên máy Vi Tính, muốn viết, muốn xóa dễ dàng mà tóm tắt một quyển Kinh được in sẵn chỉ vài mươi trang cũng phải cố gắng động viên bản thân, mới thấy Công Đức của Chư Tổ thật quá lớn lao. Các Vị đúng là Vị Pháp quên thân !

Với lòng mong mỏi được bớt đi phần nào khó khăn cho người muốn tìm hiểu. Tôi cố gắng viết ra những hiểu biết của mình khi đọc Kinh PHÁP HOA. Hy vọng góp được chút phần nhỏ nhoi trong việc hộ trì Chánh Pháp.

Saigon, tháng 12 Năm 2023

Kỷ Niệm Hoa Nghiêm năm thứ 44

HOA NGHIÊM CHÂN TỬ
NHƯ TÂM NGUYỆN

